

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

PHẨM THÁNH HẠNH

THỨ MƯỜI CHÍN

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-tát: “Đại Bồ-Tát phải nên ở nơi kinh Đại-Niết-Bàn này chuyên tâm tư duy năm thứ hạnh: Một là thánh hạnh, hai là phạm hạnh, ba là thiên hạnh, bốn là anh-nhi-hạnh, năm là bệnh hạnh.

Này Thiện-nam-tử! Đại-Bồ-Tát thường nên tu tập năm thứ hạnh này. Lại có một hạnh, chính là Như-Lai hạnh, cũng chính là kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Đại Bồ-Tát tu thánh hạnh thế nào? Đại Bồ-Tát hoặc từ Thanh-Văn, hoặc từ đức Như-Lai được nghe kinh Đại-Niết-Bàn như vậy, nghe xong sanh lòng tin, tin xong nên

suy nghĩ như vậy: Chư Phật Thế-Tôn có đạo vô thượng, có chánh pháp lớn, có chánh hạnh cho đại chúng, lại có kinh điển Phương-đẳng Đại-thừa, nay ta nên vì ưa thích mong cầu kinh Đại-thừa mà bỏ lia vợ con, quyến thuộc, nhà cửa, vàng bạc, châu báu, chuỗi ngọc tốt đẹp, hương hoa, kỹ nhạc, tôi trai, tớ gái, voi ngựa, xe cộ, trâu dê, gà chó, heo lợn. Lại nghĩ thế này, ở nhà ràng buộc như lao ngục, do đó mà sanh tất cả phiền não. Xuất gia khoáng khoáng như hư không, tất cả pháp lành nhân đây được tăng trưởng. Nếu ở nhà chẳng được trọn đời tu phạm hạnh, nay ta phải nên cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo vô thượng.

Lúc Bồ-Tát muốn xuất gia như vậy, Thiên-ma Ba-tuần rất lo khổ, nói rằng: Bồ-Tát này lại sẽ cùng ta sanh sự chiến tranh lớn.

Này Thiện-nam-tử! Bồ-Tát này ở nơi chỗ nào lại sẽ cùng người chiến tranh? Bồ-Tát này qua đến tăng phường nếu thấy Như-

Lai và hàng đệ tử oai nghi đầy đủ, thân tâm tịch tịnh, lòng liền nhu hòa thanh tịnh mà cầu xuất gia, cạo bỏ râu tóc mặc ba pháp y.

Xuất gia xong tuân giữ giới cấm, oai nghi chẳng thiếu, cử chỉ an lành không có sai phạm, nhẫn đến tội nhỏ cũng sanh lòng sợ sệt, tâm hộ giới như kim cương.

Này Thiện-nam-tử! Ví như có người đeo trái nỏ muốn lội qua biển lớn. Trong biển có quỷ La-sát theo người đó để xin trái nỏ. Người đó nghĩ rằng: Nếu ta cho nó quyết định phải chìm chết. Nghĩ rồi đáp rằng: Này La-Sát, thà ngươi giết ta, chớ ta không thể cho trái nỏ được.

La-Sát lại nói: Nếu ông chẳng cho hết, thì cho ta phân nửa. Người ấy vẫn không cho. La-Sát lại xin một phần ba, không được, lại xin một mảnh bằng bàn tay, nhẫn đến xin chùng bằng hột bụi. Người này đáp rằng: Nhà ngươi dầu xin rất ít, nhưng hiện nay ta

cần phải lội qua biển, chẳng biết đường còn xa hay gần. Nếu ta cho người một ít, trái nổi sẽ xì hơi, làm sao qua được biển lớn, có thể sẽ bị chìm chết giữa đường.

Này Thiện-nam-tử! Bồ-Tát hộ trì cấm giới cũng như vậy. Lúc Bồ-Tát hộ giới, thường có phiền não bảo Bồ-Tát rằng: Ông nên tin tôi trọn chẳng dối nhau, chỉ phá bốn giới trọng, giữ gìn những giới khác sẽ được an ổn nhập Niết-bàn. Lúc đó Bồ-Tát nên nghĩ rằng: Thà ta giữ gìn giới cấm mà đọa A-tỳ địa-ngục, quyết chẳng hủy phạm mà sanh trên cõi trời. Phiền não lại nói: Ông nếu chẳng phá bốn giới trọng, thì nên phá tăng tàng, sẽ được an ổn nhập Niết-bàn. Bồ-Tát không bằng lòng.

Phiền não lại bảo: Ông nếu chẳng phạm tăng tàng, cũng nên phạm tội thâm-lan-giá, thì được an ổn nhập Niết-bàn.

Bồ-Tát cũng chẳng nghe theo.

Phiền não lại bảo: Ông nếu chẳng thể phạm thâm-lan-giá, nên phạm xả-đọa thì nên an ổn nhập Niết-bàn.

Bồ-Tát cũng chẳng nghe theo.

Phiền não lại bảo: Ông nếu chẳng thể phạm xả-đọa nên phạm ba-dật-đề sẽ được an ổn nhập Niết-bàn.

Bồ-Tát cũng chẳng nghe theo.

Phiền não lại bảo: Ông nếu chẳng thể phạm ba-dật-đề, thì nên phạm đột kiết-la, do đây được an ổn nhập Niết-bàn.

Bồ-Tát vẫn không nghe theo, tự nghĩ rằng: Nay nếu ta phạm tội đột-kiết-la, mà chẳng phát-lò, thì không thể qua khỏi biển sanh tử đến bờ Niết-Bàn được. Bồ-Tát đối với tội rất nhỏ trong giới luật, giữ gìn bền chắc, tâm như kim cương. Bồ-Tát đối với bốn giới trọng cùng đột-kiết-la, giữ gìn kính trọng như nhau không khác.

Bồ-Tát nếu có thể bền giữ giới luật như vậy, thì là đầy đủ năm chi giới: Một là đầy đủ giới nghiệp thanh tịnh căn bản của Bồ-Tát; hai là những giới thanh tịnh khác, quyền thuộc của giới trước giới sau; ba là giới giác quán thanh tịnh, chẳng phải những ác giác; bốn là giới niệm thanh tịnh hộ trì chánh niệm; năm là giới hồi hướng vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Này Thiện-nam-tử! Bồ-Tát đây lại có hai thứ giới: Một là giới thọ thể-giáo; hai là giới được chánh pháp. Bồ-Tát nếu thọ giới chánh pháp thì trọn chẳng làm ác. Nếu thọ giới thể giáo, thì bạch tứ Yết-Ma, rồi sau mới được.

Này Thiện-nam-tử! Lại có hai thứ giới: Một là giới-tánh-trọng, hai là giới dứt sự cơ-hiêm thể gian. Giới-tánh-trọng tức là bốn giới trọng. Giới dứt cơ-hiêm thể gian là chẳng buôn bán, cân thiếu, giả non, khi dối

người, cậy thế lực người để lấy tài vật của kẻ khác, ác tâm trói buộc người, phá hoại sự thành công của người, thấp đèn sáng mà nằm, ruộng nương gieo trồng, gia nghiệp buôn bán. Chẳng chứa voi ngựa, xe cộ, trâu, dê, lạc đà, lừa, gà, chó, khỉ, vượn, chim công, chim két, chim cồng mạng, cùng chim câu-chỉ-la, cọp, beo, chó sói, mèo, chồn, heo lợn, và những ác thú khác. Chẳng chứa đồng nam, đồng nữ, đại nam, đại nữ, tôi tở, vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xa cừ, mã não, san hô, bích ngọc, kha bối, các thứ châu báu, đồng cỏ, thiếc nhôm, thau, chì, những thứ chén bát to lớn. Chẳng chứa áo lông, áo cừu, áo da, tất cả lúa, gạo nếp, mè, bắp, đậu, những đồ đựng món ăn sống, đồ đựng món ăn chín. Thường ăn một bữa, chẳng từng ăn hai lần. Thường đi khát thực và thọ thực trong chúng Tăng, thường biết vừa đủ. Chẳng thọ thỉnh riêng, chẳng ăn thịt, chẳng uống rượu, loại ngũ tân

tánh nồng đều chẳng ăn, vì thế nên thân Bô-Tát chẳng có hôi hám. Thường được chư Thiên tất cả người cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán. Ăn vừa đủ trọn chẳng lãnh thọ của dư. Nhận lấy y phục vừa đủ che thân. Thường dùng ba y, bát, tọa cụ, trọn chẳng xa lìa như hai cánh chim. Chẳng chứa các thứ củ, cọng, mắt, hạt, trái, các loại hạt. Chẳng chứa của báu hoặc vàng, hoặc bạc, kho bếp chứa đồ ăn, áo xiêm thêu vẽ, giường rộng, cao lớn giường ngà, giường vàng, mùng màn nhiều màu, đều chẳng ngồi nằm. Chẳng chứa tất cả thứ chiếu, mềm nhuyễn. Chẳng ngồi yên voi, yên ngựa. Chẳng dùng áo xiêm mịn nhuyễn tốt đẹp để trải giường nằm. Trên giường ngủ nghỉ chẳng để hai gối, cũng chẳng nhận chứa gối đồ tốt đẹp, gối cây lộng chạm. Trọn chẳng nhìn xem đua voi, đua ngựa, đua xe, diễn binh, cũng chẳng coi xem hoặc nam, hoặc nữ, hoặc trâu, dê, gà,

chim trĩ, chim két, đánh đá nhau. Cũng chẳng có ý đi xem binh trận. Cũng chẳng có ý nghe thổi ốc, thổi sừng, tiếng đờn cầm, đờn sắt, đờn tranh, ống địch, không hầu, ca ngâm, các thứ kỹ nhạc, trừ khi cúng dường Phật. Trọn chẳng xem chẳng làm tất cả những sự chơi đùa cờ bạc. Chẳng coi tướng tay chân mặt mắt, chẳng bói quẻ, xú quẻ. Chẳng ngược xem hư không tinh tú, trừ khi muốn giải sự buồn ngủ. Chẳng làm sứ mạng cho nhà vua. Cũng chẳng đem lời người này truyền đến người kia, lời người kia truyền đến người này. Chẳng dua nịnh tà mạn để nuôi sống. Chẳng tuyên nói những việc của vua của quan, của kẻ trộm cướp, việc kiện cáo, việc uống ăn trong nước, trong xứ thất mùa đói khát, những việc khủng bố, những việc được mùa an ổn. Đây gọi là giới dứt sự cơ hiểm trong đời của Đại-Bồ-Tát.

Này Thiên-nam-tử! Đại-Bồ-Tát giữ gìn kỹ những điều giới ngăn chế như vậy đồng như giữ gìn những giới tánh trọng.

Này Thiên-nam-tử! Đại-Bồ-Tát thọ trì những giới cấm như vậy rồi lại nguyện rằng: Thà đem thân này nhảy vào trong hầm lửa, trọn chẳng hủy phạm giới cấm của chư Phật ba đời mà cùng tất cả người nữ làm điều bất tịnh. Lại nguyện thà lấy sắt nóng vắn nơi thân, trọn chẳng dám đem thân phá giới để thọ y phục của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà nuốt hòn sắt cháy đỏ, trọn chẳng dám đem thân phá giới ăn các thực vật của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà đem thân này nằm trên sắt nóng trọn chẳng đem thân này thọ giường chiếu của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà đem thân này chịu ba trăm mũi mâu đâm, trọn chẳng dám đem thân phá giới thọ thuốc men của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà đem thân này nhảy vào vạc sắt

nóng, chẳng dám đem thân phá giới thọ phòng nhà của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà dùng chùy sắt đập nát thân này từ đầu đến chân nát như tro bụi, chẳng đem thân phá giới thọ sự cung kính của mọi người. Lại nguyện thà dùng sắt nóng khoét đôi mắt, chẳng dùng nhiễm tâm nhìn sắc đẹp của người. Lại nguyện thà dùng dùi sắt đâm thủng lỗ tai, chẳng dùng nhiễm tâm nghe tiếng hay giọng tốt. Lại nguyện thà dùng dao bén cắt bỏ lỗ mũi, chẳng dùng nhiễm tâm tham ngửi những mùi thơm. Lại nguyện thà dùng dao bén cắt rách lưỡi mình, chẳng dùng nhiễm tâm tham vị ngon ngọt. Lại nguyện rằng thà dùng búa bén chặt chém thân thể, chẳng dùng nhiễm tâm tham chạm xúc êm dịu. Vì những sự trên đây có thể làm cho nhà tu hành đọa địa ngục, súc sanh, ngã-quỷ. Đây gọi là Đại-Bồ-Tát hộ trì cấm giới.

Đại Bồ-Tát hộ trì những cấm giới như vậy rồi, đều đem bố thí cho tất cả chúng sanh, nguyện cho chúng sanh hộ trì cấm giới, được giới thanh tịnh, giới thiện, giới chẳng thiếu, giới chẳng phân tích, giới đại-thừa, giới bất thối, giới tùy thuận, giới rốt ráo, thành tựu đầy đủ giới ba-la-mật.

Này Thiện-nam-tử! Đại Bồ-Tát lúc tu trì giới thanh tịnh như vậy liền được trụ bậc sơ-bất-động. Thế nào gọi là bậc bất-động? Bồ-Tát trụ trong bậc bất-động này thì chẳng động, chẳng đọa, chẳng thối, chẳng tán.

Này Thiện-nam-tử! Ví như núi Tu-di, gió trốt gió bão, không thể làm lay động sụp đổ tan nát được. Cũng vậy, Đại-Bồ-Tát trụ trong bậc này, chẳng bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, làm động, chẳng đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chẳng lui xuống bậc Thanh-Văn, Bích-Chi Phật, chẳng bị dị-kiến tà phong làm tan, mà theo tà mạn để nuôi sống.

Lại bất động là chẳng bị tham dục, sân hận, ngu si làm động. Lại bất đọa là chẳng đọa bốn tội trọng. Lại bất thối là chẳng lui bỏ giới để hoàn tục. Lại bất tán là chẳng bị người trái nghịch kinh Đại-thừa làm tan hoại.

Đại Bồ-Tát cũng chẳng bị các ma phiền não làm lay động, chẳng bị ma ngũ âm làm đọa. Nhân đến ngôi nơi cội cây bồ-đề đạo tràng dầu có Thiên-ma chẳng thể làm Bồ-Tát thối bỏ vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng chẳng bị ma chết làm tan.

Này Thiện-nam-tử! Đây gọi là Bồ-Tát tu tập Thánh-hạnh. Thế nào gọi là Thánh-hạnh? Vì là chỗ thật hành của Phật và Bồ-tát nên gọi là Thánh-hạnh. Do có chi Phật và Bồ-Tát gọi là Thánh-nhân? Vì những bậc này có Thánh-pháp, vì thường quán các pháp thể tánh không tịch, do nghĩa này nên gọi là Thánh-nhân. Lại vì có thánh giới, thánh định, thánh huệ, nên gọi là thánh nhân. Lại vì có

bảy thánh tài: Tín, giới, tâm, quý, đa văn, trí huệ, xả ly, nên gọi là thánh nhân. Lại vì có bảy thánh giác nên gọi là thánh nhân. Do nghĩa này nên lại gọi là thánh hạnh.

Này Thiện-nam-tử! Đại-Bồ-Tát thực hành thánh hạnh, quán sát thân này từ đầu đến chân trong đó chỉ có tóc, lông, móng, răng, hôi dơ chẳng sạch, da, thịt, gân, xương, tỳ, thận, tâm, phế, gan, mật, bao tử, ruột non, ruột già, tiểu tiện, đại tiện, nước mũi, nước miếng, nước mắt, óc, tủy, mủ, máu, mạch lạc. Lúc Bồ-Tát chuyên tâm quán sát như vậy: Cái gì là ngã, ngã thuộc về cái gì? Ngã ở chỗ nào? Cái gì thuộc về ngã? Lại nghĩ rằng: Xương có phải là ngã chẳng? Hay rời xương là ngã? Lúc đó Bồ-Tát trừ bỏ da thịt chỉ quán sát xương trắng lại suy xét sắc tướng của xương sai khác, là xanh, vàng, đỏ, trắng, xanh đen, xương như vậy cũng chẳng phải ngã, vì ngã chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng

và xanh đen. Lúc Bồ-Tát chuyên tâm quán sát như vậy, liền dứt trừ được tất cả sắc dục. Lại nghĩ rằng: Những xương như vậy đều từ nhân duyên mà sanh. Nhờ xương bàn chân để gắn xương mắt cá do xương mắt cá để gắn xương ống quyển, nhân xương ống quyển dùng gắn xương đầu gối, nhân xương đầu gối để gắn xương đùi, do xương đùi kết với xương hông, nhờ xương hông dựng xương sống, nhờ xương sống kết xương sườn, trên xương sống có xương cổ, nhân xương cổ gắn xương hàm, nơi xương hàm cặm răng nanh, trên đó có xương sọ. Lại nhân xương cổ kết xương vai, nhân xương vai gắn xương cánh tay, đầu xương cánh tay gắn xương bắp tay, do xương bắp tay kết xương bàn tay, nhân xương bàn tay có xương ngón tay. Lúc Bồ-Tát quán sát như vậy, tất cả xương trong thân đều chia lìa. Quán sát như vậy rồi, liền dứt được ba thứ dục nhiễm: Một là sự dục nhiễm

về hình mạo, hai là sự dục nhiễm về tư thái, ba là sự dục nhiễm về chạm xúc mịn màng.

Đại Bồ-Tát lúc quán sát xương màu xanh, thấy cõi đất khắp mười phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng trên, dưới thấy đều màu xanh cả. Lúc quán xương màu vàng, màu đỏ, màu trắng, màu xanh đen cũng như vậy.

Lúc Bồ-Tát quán sát như trên đây giữa chặn mày liền chiếu ra ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, xanh đen. Trong mỗi ánh sáng này Bồ-tát thấy có tượng Phật, liền hỏi: Thân này do nhân duyên bất tịnh hòa hợp chung lại mà thành, sao lại được ngồi, nằm, đi, đứng, co duỗi, cúi, ngược xem, nháy, thở, buồn, khóc, vui, cười, trong thân này không chủ tử, ai sai sử có những việc như vậy? Vừa hỏi xong, chư Phật trong ánh sáng liền ẩn mất.

Bồ-Tát lại suy nghĩ: Hoặc thức tâm là ngã, nên chư Phật chẳng vì tôi mà nói. Lại

quán sát thức tâm này thứ đệ sanh diệt dường như nước chảy cũng chẳng phải là ngã. Lại suy nghĩ nếu thức tâm chẳng phải là ngã, thì hơi thở ra vào hoặc có thể là ngã chăng? Lại suy nghĩ: Hơi thở ra vào chỉ là tánh gió, mà tánh gió là tứ đại, trong tứ đại, đại nào là ngã? Tánh địa đại chẳng phải ngã, tánh thủy, tánh hỏa, tánh phong cũng chẳng phải ngã. Lại suy nghĩ: Tất cả trong thân này đều không có ngã, chỉ có tâm niệm do nhân duyên hòa hiệp mà hiện ra có những tác dụng. Ví như sức bùa chú, ảo thuật làm ra. Cũng như ống không hầu tùy ý thổi ra tiếng. Thế nên thân này là bất tịnh, nhờ những nhân duyên hòa hiệp chung lại mà thành, thế thì sẽ ở chỗ nào mà sanh tham dục. Lại ở chỗ nào mà sanh giận hờn nếu bị người mắng nhục. Thân này của ta do ba mươi sáu vật hội hiệp, hôi như bất tịnh, chỗ nào mà có người lãnh thọ sự mắng nhục. Nếu nghe tiếng mắng, bèn

suy nghĩ, do tiếng tăm gì mà thành mắng nhiếc? Riêng mỗi mỗi tiếng chẳng thể thành mắng nhiếc. Nếu một tiếng chẳng thành, thì nhiều tiếng cũng chẳng thành. Do nghĩa này nên chẳng nên sanh lòng giận hờn.

Nếu có người đến đánh, cũng nên suy nghĩ, sự đánh đập này từ đâu mà có. Lại suy nghĩ: Nhân tay, dao, gậy, cùng với thân của ta nên gọi là đánh. Nay ta có sao lại giận hờn nơi người, bèn là thân ta tự chuốc lấy lỗi này, vì ta thọ thân ngũ âm. Ví như nhân cái đích thì có mũi tên bắn trúng. Cũng vậy, do có thân ta, mới có sự đánh. Ta nếu chẳng có nhân, thì tâm tán loạn, tâm nếu tán loạn thì mất chánh niệm, nếu mất chánh niệm thì chẳng thể quan sát nghĩa lành cùng chẳng lành. Nếu chẳng thể quan sát nghĩa lành cùng chẳng lành thì phạm việc ác. Đã phạm việc ác tất phải đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Lúc Bồ-Tát quán sát như vậy rồi, thì được tứ niệm xứ. Được tứ niệm xứ rồi thì được trụ nơi trong bậc kham nhẫn. Đại-Bồ-Tát trụ nơi bậc này thì có thể kham nhẫn những sự tham dục, sân hận, ngu si. Cũng có thể kham nhẫn những sự lạnh, nóng, đói khát, muỗi mòng, rận, rệp, gió dữ, đung chạm, thô cứng, các thứ tật dịch, chửi rửa mắng nhiếc, đánh đập khổ sở tất cả những sự khổ não nơi thân, nơi tâm đều có thể nhẫn. Vì thế nên gọi là trụ bậc kham nhẫn.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Bồ-Tát chưa trụ được bậc bất động, lúc trì tịnh giới, có nhân duyên gì được phá giới chẳng?”

- Nay Thiện-nam-tử! Bồ-Tát chưa được trụ bậc bất động, vì có nhân duyên thì có thể được phá giới.

- Bạch Thế-Tôn! Nhân duyên như thế nào?

- Này Thiện-nam-tử! Nếu BỒ-Tát biết rằng do nhân duyên phá giới, thì có thể làm cho người ưa thích thọ trì kinh điển đại-thừa, lại có thể làm cho người đọc tụng thông thuộc, biên chép quyển kinh, giảng thuyết rộng ra, chẳng thôi chuyển nơi vô thượng chánh giác. Vì có như vậy nên được phá giới. Lúc đó BỒ-Tát nên nghĩ rằng: Ta thà chịu tội đọa nơi A-Tỳ địa ngục, một kiếp hoặc dưới một kiếp, cần phải làm cho người như vậy chẳng thôi chuyển nơi vô thượng chánh giác. Do nhân duyên này BỒ-Tát được phá tịnh giới.

Văn-Thù-Sur-Lợi BỒ-Tát bạch Phật: Thế-Tôn! Nếu có BỒ-Tát nhiếp thủ hộ trì người như vậy, làm cho chẳng thôi chuyển tâm BỒ-Đề, quyết không vì duyên có ấy phá giới mà bị đọa A-Tỳ.

Phật khen Văn-Thù Sur-Lợi: “Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông vừa nói.

Ta nhớ thuở xưa, nơi Diêm-Phù-Đề này, ta làm Đại Quốc-Vương, tên là Tiên-Dur. Nhà vua mến ưa kính trọng kinh điển Đại-thừa, tâm vua thuần thiện, không có tật ác, tật đố, san lẫn, miệng vua thường nói lời dịu dàng, lời lành, thân vua thường nhiếp hộ kẻ nghèo cùng cô độc. Bồ thí, tinh tấn, không ngừng nghỉ.

Thuở đó không có Phật ra đời, cũng không Thanh-Văn, Duyên Giác. Nhà vua ưa thích kinh điển Đại-thừa Phương-đẳng, trong mười hai năm phụng thờ Bà-La-Môn, cung cấp những đồ cần dùng. Qua khỏi mười hai năm, nhà vua bảo Bà-La-Môn các ngài nay phải phát tâm vô thượng bồ-đề. Bà-La-Môn đáp: Tâu Đại-vương tánh bồ-đề là không chỗ có, kinh điển Đại-thừa cũng như vậy. Sao Đại-vương muốn cho người cùng vật đồng như hư không.

Nhà vua lúc đó tâm tôn trọng Đại-thừa, nghe Bà-La-Môn hủy báng Phương-đẳng Đại-thừa, bèn giết Bà-La-Môn.

Nầy thiện-nam-tử! Do nhân duyên trên đây, từ đó trở đi, ta chẳng bị đọa địa ngục.

Nầy Thiện-nam-tử! Ứng hộ nhiếp trì kinh điển Đại-thừa, bèn có vô lượng thể lực như vậy.

Phật lại bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: “Có thánh hạnh là tứ thánh đế: Khổ, tập, diệt, đạo. Khổ là tướng bức bách. Tập là tướng có thể sanh trưởng. Diệt là tướng tịch diệt. Đạo là tướng đại-thừa. Lại khổ là hiện tướng. Tập là chuyên tướng. Diệt là trừ tướng. Đạo là năng trừ tướng. Lại khổ có ba tướng: Tướng khổ khổ, tướng hành khổ, tướng hoại khổ. Tập là hai mươi lăm cõi. Diệt là diệt dứt hai mươi lăm cõi. Đạo là tu tập giới, định, huệ.

Nầy Thiện-nam-tử! Pháp hữu lậu có hai thứ: Có nhân, có quả. Pháp vô lậu cũng có hai thứ: Có nhân, có quả.

Quả hữu lậu thì gọi là khổ. Nhân hữu lậu thì gọi là tập. Quả vô lậu thì gọi là diệt. Nhân vô lậu thì gọi là đạo.

Nầy Thiện-nam-tử! Có tám tướng gọi là khổ: Sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ ấm thanh khổ. Có thể sanh ra tám thứ khổ như vậy gọi đó là “Tập”. Nơi không có tám thứ khổ như vậy đây gọi là “Diệt”. Mười trí lực, bốn vô-sở-úy ba niệm xứ, đại-bi, đây gọi là “Đạo”.

Sanh là tướng sanh ra có năm: Một là mới sanh ra, hai là đến rớt sau, ba là tăng trưởng, bốn là xuất thai, năm là chủng loại sanh.

Lão có hai thứ: Một là niệm niệm lão, hai là chung thân lão. Lại có hai: Một là tăng trưởng lão, hai là diệt hoại lão.

Bệnh là nói tứ đại chẳng điều thích lẫn nhau cũng có hai: Một là thân bệnh, hai là tâm bệnh. Thân bệnh có năm: Một là nhân nơi nước, hai là nhân nơi gió, ba là nhân nơi nhiệt, bốn là tạp bệnh, năm là khách bệnh. Khách bệnh có bốn: Một là chẳng phải phận sự gắng gổ làm, hai là vì quên làm mà té ngã, ba là dao gây ngói đá, bốn là quý mị dựa. Tâm bệnh cũng có bốn: Một là hờn hờ, hai là sợ sệt, ba là lo rầu, bốn là ngu si.

Này Thiện-nam-tử! Thân bệnh, tâm bệnh phàm có ba thứ: Một là nghiệp báo, hai là xa lìa chẳng được ác-đổi, ba là thời tiết thay đổi. Sanh ra các thứ nhân duyên danh tự thọ bệnh sai khác như vậy. Nhân duyên là những bệnh phong v.v..., danh tự là buồn nôn, phổi sung, hơi lên, ho hen, tim nhảy,

chảy kiết. Thọ sai khác là: Nhức đầu, đau mắt, đau tay, đau chân, v.v... , đây gọi là bệnh.

Tử là bỏ thân đã thọ. Bỏ thân cũng có hai: Một là căn mạng hết mà chết, hai là do duyên ngoài là chất mạng hết mà chết. Mạng hết mà chết có ba: Một là mạng hết chẳng phải phước hết, hai là phước hết chẳng phải mạng hết, ba là phước mạng đều hết. Duyên ngoài chết cũng có ba: Một là chẳng phải phần tự hại mà chết, hai là bị kẻ khác hại chết, ba là do mình và kẻ khác mà chết. Lại có ba thứ chết: Một là phóng dật mà chết, hai là phá giới mà chết, ba là mạng căn hư hoại mà chết. Những gì gọi là phóng dật mà chết? Nếu có hủy báng Đại-thừa Phương-đẳng bát-nhã-ba-la-mật, đây gọi là phóng dật mà chết. Những gì gọi là phá giới mà chết? Hủy phạm giới cấm của chư Phật ba đời, đây gọi là phá giới mà chết. Những gì gọi là mạng căn hư

hoại mà chết? Bỏ thân ngũ âm, đây gọi là mạng căn hư hoại mà chết. Do đây nên gọi rằng chết là rất khổ.

Những gì gọi là ái biệt ly khổ? Những vật mến yêu bị hư hoại lìa tan. Vật mến yêu hư hoại lìa tan đó cũng có hai thứ: Một là ngũ âm trong loài người hư hoại, hai là ngũ âm trong cõi trời hư hoại. Ngũ âm mến yêu trong cõi người cõi trời phân biệt tính đếm có vô lượng thứ. Đây gọi là ái biệt ly khổ.

Những gì gọi oán-tắng-hội khổ? Tức là chẳng yêu thương mà hội họp cùng nhau, chẳng yêu thương hội họp này cũng có ba: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ba ác thú như vậy phân biệt tính đếm có vô lượng thứ. Đây gọi là oán-tắng-hội khổ.

Những gì gọi là cầu bất-đắc khổ? Cũng có hai thứ: Một là chỗ trông mong được mà cầu chẳng được, hai là tốn nhiều công lực mà

chẳng được kết quả. Đây gọi là cầu bất đắc khổ.

Những gì gọi là ngũ-ấm thanh khổ? Chính là sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái-biệt-ly khổ, oán-tắng-hội khổ, cầu-bất-đắc khổ. Đây gọi là ngũ ấm thanh khổ.

Này Thiện-nam-tử! Sanh làm cội gốc có ra lão khổ nhân đến ngũ ấm thanh khổ, bảy khổ như vậy.

Này Thiện-nam-tử! Luận về sự già suy, chẳng phải tất cả đều có. Phật cùng Chư Thiên một bề quyết định không, trong loài người thì chẳng nhưt định, hoặc có hoặc không.

Này Thiện-nam-tử! Thọ thân trong ba cõi không ai chẳng có sanh, cho nên sanh là cội gốc của tất cả thân. Còn già thì chẳng quyết định.

Chúng sanh trong thế gian, do điên đảo che mờ tâm tánh, nên tham đắm nơi sanh mà

nhàm lo già chết. Bô-Tát chẳng như vậy. Bô-Tát quán sát thân mới sanh đã thấy nổi khổ.

Này Thiện-nam-tử! Như có người nữ vào nhà người khác. Người nữ này xinh đẹp chuỗi ngọc trang nghiêm nơi thân. Chủ nhà hỏi rằng: Nàng tên là gì, thuộc nơi ai? Người nữ đáp rằng: Thân tôi tức là Công Đức Đại-Thiên.

Chủ nhà hỏi: Nàng đến để làm gì?

Người nữ đáp: Chỗ nào tôi đến, tôi có thể cho các thứ vàng, bạc, lưu-ly, pha lê, trân châu, san hô, hồ phách, xa cừ, mã não, voi, ngựa, xe cộ, tôi tất.

Chủ nhà nghe rồi vui mừng hơn hở: Nay ta phước đức, nên khiến nàng này đến nhà ta. Liên bèn đốt hương, rải hoa cúng dường, cung kính lễ bái.

Lại thấy ngoài cửa có một người nữ hình dạng xấu xa, áo xiêm rách nát, da thịt

nứt nẻ, sắc mặt xám trắng, dơ dáy hôi hám.
Chủ nhà hỏi: Nàng tên gì, thuộc về ai?

Cô gái đáp: Tôi tên Hắc-ám.

- Tại sao tên Hắc-ám?

- Tôi đi đến chỗ nào có thể làm cho nhà đó hao tài, tổn của.

Chủ nhà nghe xong bèn cầm dao bén bảo rằng: Nàng nếu chẳng đi, ta sẽ chém chết.

Cô gái nói: Ông ngu si lắm, không có trí huệ.

Chủ nhà hỏi: Tại sao nói ta là ngu si không có trí huệ.

Cô gái đáp: Người đẹp đứng trong nhà ông chính là chị của tôi. Tôi thường đi chung với chị, nếu ông đuổi tôi cũng phải đuổi chị tôi.

Chủ nhà trở vô hỏi Công-Đức-Thiên: Ngoài cửa có cô gái nói là em của nàng có phải vậy chăng?

Công-Đức-Thiên nói: Thật là em gái tôi, tôi cùng đi chung với nó, chưa có lúc nào lìa nhau. Tùy ở chỗ nào tôi thường làm việc tốt, còn nó thường làm việc xấu. Tôi thường làm việc lợi ích, còn nó luôn làm sự suy hao. Nếu ai yêu tôi cũng phải yêu nó. Nếu cung kính tôi, cũng phải cung kính nó.

Chủ nhà liền nói: Nếu có cả sự tốt lẫn sự xấu như vậy, thì ta chẳng cần, hai nàng nên tùy ý đi đi.

Lúc đó hai người nữ cùng dắt nhau trở về. Chủ nhà thấy cả hai đi rồi, trong lòng rất vui mừng hơn hở.

Bây giờ hai người nữ lại cùng dắt nhau đến một nhà nghèo. Người nghèo này lòng rất vui mừng mời rằng: Từ nay trở đi, xin hai nàng ở luôn nhà tôi.

Công-Đức-Thiên nói: Chúng tôi vừa bị người xua đuổi, cố sao ông lại mời chúng tôi ở?

Người nghèo nói: Nay nàng tưởng đến tôi, vì nàng nên tôi phải kính cô kia, vì thế nên tôi mời cả hai ở nơi nhà tôi.

Này Thiện-nam-tử! Đại-Bồ-Tát cũng như vậy, chẳng nguyện sanh cõi trời, vì sanh thì có già, bệnh, chết, thế nên đều bỏ. Không chút tâm luyến ái. Kẻ phàm phu chẳng biết lỗi lầm khổ hoạn của già, bệnh, chết nên họ tham luyến sanh tử.

Này Thiện-nam-tử! Như đứa trẻ dòng Bà-La-Môn đương lúc quá đói thấy trong đồng phân có trái am-la, bèn lượm lên. Người trí ngộ thấy quả rằng: Người là Bà-La-Môn, giòng giống thanh tịnh, cứ sao lại lượm trái như trong đồng phân. Đồng tử nghe xong hổ thẹn nói: “Tôi thật chẳng ăn, muốn đem trái ấy rửa sạch rồi ném bỏ”. Người trí nói: “Người ngu si quá, nếu rồi sẽ ném bỏ, đáng lẽ chẳng nên lượm lấy.”

Này Thiện-nam-tử! Đại-Bồ-tát cũng như vậy, đối với vấn đề sanh chẳng lãnh thọ, cũng chẳng dứt bỏ, như người trí kia quở trách đứa trẻ. Kẻ phàm phu thích sanh ghét tử, như đứa trẻ kia lượm trái dơ rồi trở lại bỏ.

Này Thiện-nam-tử! Như nơi ngã tư đường có người đựng đầy đồ ăn thơm ngon trong chậu, trong bát, bày ra để bán. Có người khách từ xa đến quá đói, thấy đồ ăn ấy thơm ngon, liền hỏi đây là vật gì? Người bán nói: Đây là đồ ăn thơm ngon, nếu ai ăn thứ này, thì được sắc tốt, sức mạnh, có thể hết đói, hết khát và được thấy chư Thiên. Nhưng chỉ có một tai hại là sẽ chết. Người khách nghe xong nghĩ rằng: Nay tôi chẳng dùng sắc đẹp, sức mạnh, thấy chư Thiên, vì tôi chẳng muốn chết. Nghĩ xong hỏi rằng: Ăn vật thực này nếu phải chết sao ông lại đem bán.

Người bán đáp: Những người có trí không ai bằng lòng mua. Chỉ có kẻ ngu,

chẳng biết việc này, họ tham ăn nên họ trả giá đắt cho tôi.

Này Thiện-nam-tử! Đại-Bồ-Tát cũng như vậy, chẳng nguyện sanh cõi trời, được sắc đẹp, được sức mạnh, thấy chư Thiên, vì sanh cõi trời chẳng khỏi những khổ não. Kẻ phàm phu ngu si sanh chỗ nào cũng đều tham luyến vì họ chẳng thấy già, bệnh, chết.

Này Thiện-nam-tử! Ví như cây độc, gốc rễ cũng có thể giết người, thân cây, vỏ, bông, trái, hạt đều cũng có thể giết người. Tất cả thân ngũ âm trong hai mươi lăm cõi đều có thể hại chúng sanh cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử! Ví như phân nhơ, nhiều hay ít đều hôi cả. Cũng vậy, thọ sanh lâu sống lâu tám muôn tuổi hay mười tuổi cũng đều khổ não cả.

Này Thiện-nam-tử! Ví như hầm sâu nguy hiểm, lấy cỏ che trên miệng hầm, bờ bên kia của hầm có mạch cam-lồ, người nào

được ăn chất cam lồ, sẽ sống lâu ngàn năm không bệnh tật, an ổn, khoan khoái. Kẻ ngu si tham chất cam lồ, chẳng biết dưới đó có hầm sâu, bèn chạy đến lấy, chẳng ngờ trật chân té xuống hầm mà chết. Người trí biết sự nguy hiểm, nên không đến lấy chất cam-lồ.

Đại-Bồ-Tát cũng như vậy còn chẳng muốn nhận lấy vật thực thượng diệu cõi trời hưởng là trong loài người. Kẻ phàm phu bèn ở nơi địa ngục nuốt hoàn sắt, hưởng là thức ăn thượng diệu cõi trời cõi người mà có thể chẳng ăn.

Này Thiện-nam-tử! Do những điều thí dụ như vậy, ngoài ra còn vô lượng thí dụ khác, nên biết thọ sanh thật là rất khổ.

Đây gọi là Đại-Bồ-Tát trụ nơi kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát sanh là khổ.

Này Thiện-nam-tử! Đại-Bồ-tát trụ nơi kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát lão là khổ như thế nào?

Sự già yếu hay làm ho hen, ngăn nghẹn, hơi đưa lên, có thể làm mất sức mạnh, trí nhớ kém, sự tráng kiện không còn, mất sự an vui thơ thới, khoan khoái. Tuổi già hay làm lưng còm, mỏi nhọc, lười biếng, bị người khi dễ.

Này Thiện-nam-tử! Ví như hoa sen nở tốt đầy trong ao nước rất đáng ưa thích, gặp trận mưa đá, tất cả đều hư nát. Cũng vậy, tuổi già có thể phá hoại tráng kiện, sắc đẹp.

Này Thiện-nam-tử! Ví như quốc vương có một trí thần dùng binh giỏi. Có vua nước địch chống cự chẳng thuận hảo. Quốc vương sai trí thần đem binh qua đánh, bắt vua nước nghịch mang về dâng cho quốc vương. Cũng vậy, tuổi già bắt được tráng kiện, sắc đẹp đem giao cho tử vương.

Này Thiện-nam-tử! Ví như trục xe đã gãy, xe đó không còn dùng được. Cũng vậy, già suy thì không còn dùng được vào việc gì.

Nầy Thiện-nam-tử! Như nhà giàu to có nhiều của báu: Vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não. Có bọn cướp nếu vào được nhà đó thì có thể cướp giựt hết cả. Cũng vậy, tuổi tráng kiện và sắc đẹp thường bị giặc già suy cướp giựt.

Nầy thiện-nam-tử! Ví như người nghèo tham thức ăn ngon, y phục mịn màng, dầu có hy vọng nhưng không thể được. Cũng vậy, tuổi già suy dầu có tâm than, muốn hưởng thọ ngũ dục sung sướng mà chẳng thể được.

Nầy Thiện-nam-tử! Như con rùa ở trên đất cao lòng nó thường nghĩ đến nước. Cũng vậy, người đời đã già suy khô héo mà lòng họ thường nhớ tưởng những khoái lạc ngũ dục thuở tráng kiện.

Nầy thiện-nam-tử! Như mùa thu ai cũng ưa ngắm hoa sen nở, đến khi hoa tàn héo, mọi người đều không thích. Cũng vậy,

sự tráng kiện, sắc đẹp mọi người đều ưa thích, đến khi già suy ai cũng nhàm ghét.

Này Thiện-nam-tử! Ví như cây mía, sau khi bị ép, bã xác không còn vị ngọt. Cũng vậy, tráng kiện sắc đẹp đã bị già ép, thì không có ba thứ vị: Một là vị xuất gia, hai là vị đọc tụng, ba là vị tọa thiền.

Này Thiện-nam-tử! Ví như mặt trăng tròn ban đêm thì tỏ sáng, ban ngày thì không như vậy. Cũng vậy, tráng kiện thì hình mạo nở nang xinh đẹp, già thì suy yếu, thân thể và tinh thần kém suy.

Này Thiện-nam-tử! Ví như có nhà vua thường dùng chánh pháp cai trị nhân dân, chân thật, không lừa dối, từ bi ưa bố thí. Thuở đó nhà vua bị nước địch xâm lăng đánh bại, bèn lưu vong đến nước khác. Nhân dân trong nước kia thấy nhà vua đều cảm thương nói rằng: Đại-vương ngày trước dùng chánh pháp trị nước chẳng uổng lạm bá tánh, thế

sao nay lại lưu vong đến đây. Cũng vậy, loài người đã bị già suy làm bại hoại, thì thường tán thán sự nghiệp đã làm thưở tráng kiện.

Nầy Thiện-nam-tử! Ví như tim đèn dầu nhờ mỡ dầu nhưng mỡ dầu sẽ hết, thế chẳng lâu dài. Cũng vậy, thân người dầu nhờ cậy sự tráng kiện, nhưng tráng kiện phải trải qua già suy, đâu còn được dùng lâu.

Nầy Thiện-nam-tử! Ví như con sông cạn khô không có thể lợi ích cho người, cho phi nhân, chim thú. Cũng vậy, thân người bị già suy khô héo, không còn làm được việc gì, chẳng thể có lợi ích.

Nầy Thiện-nam-tử! Ví như cây cheo leo bờ sông, nếu gặp gió to, ắt sẽ đổ ngã. Như vậy đến tuổi già ắt phải chết, thế chẳng thể còn được.

Nầy Thiện-nam-tử! Như trục xe đã gãy, không thể chở chuyên. Cũng vậy, già suy không thể học hỏi tất cả pháp lành.

Này Thiện-nam-tử! Như trẻ thơ bị người khinh khi. Cũng vậy, già suy thường bị người khinh hủy.

Này Thiện-nam-tử! Do những điều dụ như vậy cùng vô lượng thí dụ khác nên biết sự già thật là rất khổ.

Đây gọi là Đại-Bồ-Tát tu hành kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát già là khổ.

Này Thiện-nam-tử! Đại-Bồ-Tát trụ nơi kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát bệnh khổ như thế nào?

Ví như mưa đá làm hại mạ lúa. Cũng vậy, tật bệnh có thể phá hoại tất cả những sự an ổn vui vẻ.

Như người có oán thù, tâm thường lo rầu sợ sệt. Cũng vậy, tất cả chúng sanh thường bị bệnh khổ, lo rầu không yên.

Ví như có người hình dung xinh đẹp, Vương-phi tâm dục yêu thương, sai sứ đòi đến để cùng giao thông. Vua bắt được, liền

truyền lệnh khoét một mắt, cắt một vành tai, chặt một tay, một chân, bấy giờ người đó hình dung đổi khác bị người nhòm góm khinh rẻ. Cũng vậy, thân người trước thì dung mạo tươi tốt, tai mắt đầy đủ, đã bị bệnh khổ hành hạ, thì xấu xa bị người nhòm góm.

Như cây chuối, cây tre, cây lau, con la, hễ có con, có trái thì chết. Cũng vậy, người có bệnh thì chết.

Như vua Chuyển-Luân, đại thần, chủ binh thường làm tiền đạo đi trước, nhà vua theo sau cũng như chúa cá, chúa kiến, chúa ốc, chúa trâu, thương chủ, lúc ở trước chúng mà đi, thì toàn chúng thấy đều đi theo không rời. Cũng vậy, sự chết thường theo sát bệnh khổ không rời.

Này Thiện-nam-tử! Nhân duyên của bệnh làm cho khổ não, rầu lo, buồn than, thân tâm không an ổn. Hoặc bị kẻ giặc cướp bức hại, trái nổi bể hư, phá hoại cầu công,

đều cũng có thể cướp giựt mạng sống. Bệnh lại có thể phá hoại sự tráng kiện, sắc đẹp, thể lực, an vui, mất lòng tầm quý, có thể làm cho thân tâm xót xa bức rức.

Do những điều dụ đó và vô lượng thí dụ khác, nên biết bệnh rất là khổ não.

Đây gọi là Đại-Bồ-Tát tu hành kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát bệnh khổ.

Này thiện-nam-tử! Thế nào là Đại-Bồ-Tát tu hành kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát tử khổ? Sự chết có thể đốt cháy tiêu diệt. Như hỏa tai khởi lên có thể đốt cháy tất cả, chỉ trừ cõi trời nhị thiên trở lên, vì thế lực của hỏa tai chẳng đến được. Cũng vậy, sự chết có thể tiêu diệt tất cả, chỉ trừ Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-bàn vì thế lực của sự chết không đến được.

Như lúc thủy tai khởi lên, tất cả đều trôi, đều ngập, chỉ trừ cõi tam-thiên trở lên, vì thế lực của thủy tai chẳng đến được. Cũng vậy,

sự chết làm chìm mất tất cả, chỉ trừ BỒ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Như lúc phong tai khởi lên, có thể thổi tan tất cả, chỉ trừ cõi tứ thiên, vì thế lực của phong tai chẳng đến được. Cũng vậy, sự chết có thể tiêu diệt tất cả, chỉ trừ BỒ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Ca-Diếp-BỒ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Cõi Tứ-thiên kia do có gì mà gió không thổi đến, nước chẳng ngập đến, lửa chẳng cháy đến?”

- Này Thiện-nam-tử! Cõi Tứ-Thiên kia không có tất cả quá hoạn trong thân và ngoại cảnh.

Cõi Sơ-Thiên có quá hoạn: Trong có giác quán, ngoài có hỏa tai.

Cõi Nhị-Thiên có quá hoạn: Trong có vui mừng, ngoài có thủy tai.

Cõi Tam-Thiên có quá hoạn: Trong có hơi thở, ngoài có phong tai.

Cõi Tứ-Thiên trong ngoài đều không quá hoạn, nên ba thứ tai họa lớn chẳng thể đến được.

Đại-Bồ-Tát cũng như vậy, an trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn, trong ngoài đều không tất cả quá hoạn, nên sự chết chẳng đến được.

Lại này Thiện-nam-tử: Như Kim-Súy-Điều có thể nuốt, có thể tiêu tất cả loài rồng, cá và châu báu, vàng, bạc vân vân, chỉ trừ chất kim cương không tiêu được. Cũng vậy, sự chết có thể nuốt, có thể tiêu tất cả chúng sanh, chỉ không tiêu được Đại-Bồ-tát trụ nơi Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn.

Lại này Thiện-nam-tử! Ví như những cỏ cây ở bờ sông, nước lụt dâng lên đều trôi theo dòng vào biển lớn, chỉ trừ cây dương liễu, vì thứ cây này mềm dẻo. Cũng vậy, tất cả chúng sanh đều trôi lăn vào biển chết, chỉ trừ Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Lại này Thiện-nam-tử! Như thần Na-La-Diên có thể hàng phục tất cả lực sĩ, chỉ trừ gió to, vì gió to vô ngại. Cũng vậy, sự chết có thể hàng phục tất cả chúng sanh, chỉ trừ Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn, vì bậc này vô ngại.

Lại này Thiện-nam-tử! Ví như có người đối với kẻ thù giả làm thân thiện, theo sát bên như bóng theo hình, chờ khi thuận tiện mà giết đó, nếu phòng bị chặt chẽ, thì người kia không hại được. Cũng vậy, sự chết luôn theo rình chúng sanh chờ dịp làm hại, chỉ không thể hại được bậc Đại-Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-niết-bàn, vì bậc Bồ-Tát này chẳng phóng dật.

Lại này Thiện-nam-tử! Ví như trời bỗng mưa kim cương xối xuống tất cả cỏ cây, núi rừng, đất cát, ngói, đá, vàng, bạc, lưu ly, cùng tất cả vật đều bị hư nát, chỉ kim cương chân bảo không bị hư. Cũng vậy, sự chết đều

có thể phá hoại tất cả chúng sanh, chỉ trừ kim cương Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Lại này Thiện-nam-tử! Như Kim-súy-điều có thể nuốt các loài rồng, chỉ không nuốt được rồng thọ Tam-quy-y. Cũng vậy, sự chết có thể nuốt tất cả chúng sanh, chỉ trừ Bồ-Tát trụ ba môn chánh định: Không, vô tướng vô nguyện.

Lại này Thiện-nam-tử! Như độc rắn ma-la, khi rắn này cắn nhằm người, những chú hay, thuốc tốt đều không cứu được, chỉ có chú A-Kiệt Đa-Tinh là có thể chữa lành. Cũng vậy, sự chết tất cả phương thuốc đều không cứu được, chỉ trừ Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Lại này Thiện-nam-tử! Như có người bị nhà vua giận, có thể dùng lời dịu dàng khéo léo, dâng của cải châu báu mà được khỏi tội. Sự chết không như vậy, dầu dùng lời nói dịu

dàng, tiền của châu báu để cống dâng cũng chẳng thoát khỏi.

Này Thiện-nam-tử! Luận về sự chết là chỗ hiểm nạn, không gì giúp đỡ, đi đường xa xôi mà không bạn bè, ngày đêm đi luôn chẳng biết bờ mé, sâu thăm tối tăm, không có đèn đuốc, nó vào không có cửa ngõ mà có chỗ nơi, dầu không chỗ đau đón nhưng chẳng thể chữa lành, nó qua không ai ngăn được, nó đến không thể thoát được, không phá phách gì mà người thấy sâu khổ, nó không phải màu sắc xấu xa mà làm cho người kinh sợ. Nó ở bên thân người mà chẳng hay biết được.

Này Ca-Diếp Bồ-Tát, do những điều dụ đó cùng vô lượng thí dụ khác, nên biết sự chết thật là rất khổ.

Đây gọi là Đại-Bồ-Tát tu hành kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát tử khổ.

Này Thiện-nam-tử! Thế nào là Đại-Bồ-Tát trụ nơi kinh Đại-thừa Đại-Niết- Bàn quán sát ái-biệt-ly khổ? Ái biệt-ly này có thể làm cội gốc cho tất cả sự khổ. Như nói bài kệ rằng:

Nhân ái sanh lo,
 Nhân ái sanh sợ,
 Nếu lìa sự ái,
 Nào lo nào sợ.

Vì ái nên sanh sự lo khổ, vì lo khổ nên làm cho chúng sanh có già suy. Ái-biệt-ly khổ là nói sự chết. Vì biệt-ly hay sanh những sự khổ vi-tế, nay sẽ vì ông mà phân biệt rõ ràng.

Này Thiện-nam-tử! Thuở quá khứ người sống vô lượng tuổi, có quốc vương tên là Thiện-Trụ nhà vua trị nước tám muôn bốn ngàn năm. Trên đỉnh đầu của vua mọc lên một bươu thịt mềm nhuyễn như bông. Bươu ấy lần lần to lớn, không làm đau nhức. Mãn

mười tháng, bấu ấy nứt ra, sanh một đồng tử hình dung đẹp lạ. Nhà vua vui mừng đặt tên là Đảnh-Sanh.

Thời gian sau vua Thiện-Trụ đem việc nước giao cho Thái-tử Đảnh-Sanh, tòi rời bỏ cung điện quyền thuộc vào núi tu hành. Ngày rằm Thái-Tử Đảnh-Sanh lên ngôi, đương ở trên lầu cao tầm gọi trai giới, phương Đông liền có báu kim-luân, bánh xe vàng đủ một ngàn cây cắm tự nhiên bay đến. Vua Đảnh-Sanh nghĩ rằng: Từng nghe Ngũ-Thông tiên nhân nói: Nếu dòng vua Sát-Đế-Lợi ngày rằm ở trên lầu cao tầm gọi trai giới, có báu kim luân đủ ngàn cây cắm tự nhiên bay đến, thì nhà vua đó sẽ được làm Chuyển-Luân Thánh-Vương. Nay ta nên thí nghiệm. Nghĩ xong, vua Đảnh-Sanh tay tả bưng báu kim-luân, tay hữu cầm lư hương, quỳ gối bên mặt mà phát thệ rằng: Nếu đây thật là báu kim-luân, thì nên bay đi như vua Chuyển-Luân

Thánh-Vương thưở quá khứ. Nhà vua phát thệ vừa xong, thì báu kim-luân bay lên hư không, bay khắp mười phương, rồi trở về dừng lại trên tay tả vua Đảnh-Sanh. Nhà vua vui mừng biết chắc mình sẽ là Chuyên-Luân Thánh-Vương.

Sau đó không bao lâu, có tượng bảo xuất hiện, mình trắng như bạch liên-hoa, xinh đẹp, mạnh mẽ đôi ngà chấm đất. Vì muốn thí nghiệm vua Đảnh-Sanh liền bung lư hương quì gối bên hữu mà phát thệ rằng: Nếu thật là báu bạch tượng nên bay đi như thưở vua Chuyên-Luân Thánh-Vương quá khứ. Phát thệ xong, bạch tượng liền từ sáng đến chiều bay đi khắp tám phương, tột đến mé biển, rồi trở về cung vua. Kế đó lại có Mã-bửu xuất hiện, lông màu xanh biếc mướt đẹp, lông đuôi cùng gáy màu vàng ròng. Vì muốn thí nghiệm vua Đảnh-Sanh tay bung lư hương quì gối bên hữu phát thệ rằng: Nếu

thật là Mã-bảo thì phải như của vua Chuyên-Luân Tánh-Vương thuở quá khứ. Phát thệ xong, từ sáng đến chiều, Mã-bảo ấy đi khắp tám phương, đến mé biển rồi trở về cung vua.

Kế đó lại có Nữ-bảo xuất hiện xinh đẹp đệ nhất, chân lông thoảng mùi chiên đàn, hơi miệng thơm sạch như hoa sen xanh, mắt sáng nhìn xa một do tuần, tai nghe, mũi ngửi cũng xa như mắt, lưỡi rộng lớn le ra có thể trùm cả mặt, da mịn láng như lá đồng đỏ, rất thông minh có trí huệ, lời nói dịu dàng đối với tất cả mọi người. Tay người ấy lúc chạm đến áo của vua, liền biết thân vua khỏe mạnh hay bệnh hoạn, cũng biết những ý nghĩ của vua.

Kế đó trong cung vua tự nhiên có Ma-ni bảo châu lớn bằng bắp vế của người, màu thuần xanh, trong suốt, trong chỗ tối có thể chiếu sáng một do tuần. Nếu trời mưa giọt lớn như trục xe, thể lực của bảo châu này có

thể che một do tuần, giọt mưa không rơi xuống được.

Sau đó, lại có Chủ-tạng thần hiện ra, cặp mắt có thể thấy thấu những kho châu báu ở trong lòng đất, tùy ý vua muốn đều có thể dâng đủ. Vua Đảnh-Sanh muốn thí nghiệm bèn cùng Chủ-tạng thần ngồi thuyền ra biển, vua bảo chủ-tạng thần: Nay ta muốn được châu báu. Chủ-tạng thần liền lấy hai tay quậy nước biển, đầu mười ngón tay liền hiện ra mười kho châu báu lấy dâng cho vua tâu rằng: “Tùy ý nhà vua chọn dùng, còn thừa lại nên ném trả xuống biển.”

Kế đó lại có chủ-binh thần xuất hiện, thao lược đệ nhất, điều khiển bốn binh chủng rất giỏi. Lúc vua cần binh thì hiện quân lính ra để dùng. Lúc chẳng dùng binh, thì quân lính ẩn mất. Xứ nào chưa hàng phục chủ binh thần này có thể làm cho hàng phục. Xứ nào đã hàng phục, thì đủ sức giữ gìn.

Lúc đó vua Đảnh-Sanh tự biết là Chuyên-Luân-Vương, bèn bảo các quan:

“Cõi Diêm-Phù-Đề này an ổn giàu vui, nay bảy báu đã đủ, cả ngàn vương tử cũng đủ, giờ đây nên làm việc gì?”

Các quan tâu: “Châu Phất-Bà-Đề phương Đông còn chưa qui thuận, đại vương nên đem binh qua chinh phục.”

Vua Đảnh-Sanh bèn cùng thất-bảo bay qua châu Phất-Bà-Đề, nhân dân trong châu đó đều vui mừng qui thuận.

Các quan lại tâu nên chinh phục châu Cù-Đà-Ni ở phương Tây. Kế đó lại đến chinh phục châu Uất-Đơn-Việt. Sau khi chinh phục ba châu xong. Vua Đảnh-Sanh bảo các quan: “Châu Nam-Diêm-Phù-Đề này cùng ba châu đều an ổn giàu vui, tất cả đều qui thuận ta, nay đây lại nên làm việc gì?”

Các quan tâu: “Cõi trời Dao-Lợi tuổi thọ dài lâu, an ổn, khoái lạc, thân chư Thiên

xinh đẹp hơn nhân gian, cung điện nhẵn đến giường ghế toàn bằng bảy báu, cây phước trời chưa chịu đến qui phục, nay nên đem binh đánh dẹp.”

Vua Đảnh-Sanh lại cùng thất bảo bay lên cõi trời Đao-Lợi, trông thấy một cây màu xanh đậm bèn hỏi đại thần: Đó là cây gì?

Đại-thần tâu: Cây ấy tên là Ba-Lợi-Chất-Đa-La, chư Thiên cõi Đao-Lợi này đến ngày mùa hạ thường tụ họp vui chơi dưới cây đó.

Lại trông thấy màu trắng như bạch vân, vua Đảnh-Sanh hỏi đại thần chỗ đó là gì? Đại-thần tâu đó là thiện-pháp-đường, chư thiên cõi Đao-Lợi thường nhóm nơi đó để bàn luận những việc cõi trời cõi người.

Thiên-Chúa Thích-Đề-Hoàn-Nhân biết vua Đảnh-Sanh đã đến, liền ra tiếp rước, cầm tay vào thiện-pháp-đường lên tòa mà ngồi.

Hai vua hình dung tướng mạo giống nhau, chỉ có đôi mắt nhìn nháy là khác nhau.

Lúc đó vua Đảnh-Sanh nghĩ rằng: nay ta có thể đuổi thiên-chúa này để ta ở đây làm thiên-vương.

Thiên-Đế-Thích vốn thọ trì đọc tụng kinh điển Đại-thừa, thường vì chú Thiên giảng thuyết, chỉ chưa thông đạt hết thâm nghĩa của kinh. Do thọ trì giảng thuyết Đại-thừa nên Thiên-Đế có oai đức hơn.

Khi vua Đảnh-Sanh khởi ác tâm đối với Thiên-Đế, tổn phước liền tự rớt xuống Diêm-Phù-Đề, nhớ tiếc cõi trời lòng rất khổ não. Không bao lâu vua Đảnh-Sanh phải bệnh chết.

Này Thiện-nam-tử! Thiên-Đế thuở đó chính là Phật Ca-Diếp, vua Đảnh-Sanh thì là tiền thân của ta.

Này Thiện-nam-tử! Phải biết ái-biệt-ly như vậy rất là khổ não.

Này Thiện-nam-tử! Đại-Bồ-Tát còn nhớ những trường hợp ái-biệt-ly khổ thuở quá khứ, huống là Bồ-Tát trụ nơi kinh Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn mà nên chẳng quán sát sự ái-biệt-ly khổ trong đời hiện tại!

Này Thiện-nam-tử! Thế nào là Đại Bồ-Tát tu hành kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát oán-tắng-hội khổ?

Đại-Bồ-Tát này quán sát địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, loài người, trên trời đều có sự oán-tắng-hội-khổ như vậy.

Ví như có người quán sát lao ngục giam nhốt, gông xiềng là rất khổ. Cũng vậy, Đại-Bồ-Tát quán sát năm loài chúng sanh đều là oán-tắng-hội-hiệp rất khổ sở.

Ví như có người thường sợ kẻ oán thù, gông cùm, xiềng xích, nên bỏ cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, cùng của báu sản nghiệp mà trốn lánh đi xa. Cũng vậy, Đại-Bồ-Tát sợ sanh tử, nên tu hành sáu môn Ba-La-Mật,

chúng nhập Niết- Bàn. Đây gọi là BỒ-Tát tu hành Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát oán-tắng-hội khổ.

Này Thiện-nam-tử! Thế nào là Đại-BỒ-Tát tu hành Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát cầu-bất-đắc khổ?

Cầu là mong cầu tất cả, có hai thứ: Một là cầu pháp lành, hai là cầu pháp chẳng lành. Cầu pháp lành mà chưa được thì khổ, pháp ác muốn rời mà chưa rời được thì khổ.

Đây là lược nói ngũ-âm-thạnh khổ. Đây gọi là khổ đế.

Ca-diếp BỒ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Như lời Phật nói, ngũ âm thạnh khổ nghĩa đó chẳng phải. Vì như ngày trước Phật bảo Thích-Ma-Nam: Nếu sắc là khổ, tất cả chúng sanh lẽ ra chẳng nên cầu sắc, nếu có người cầu thì chẳng gọi là khổ. Lại như Phật bảo các Tỳ-kheo thọ có ba thứ: Khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ. Lại như lúc trước đức

Phật nói với các Tỳ-kheo: Nếu người nào có thể tu hành pháp lành thì được thọ lạc. Lại như đức Phật nói: Ở trong đường lành sáu căn lãnh thọ sáu cảnh vui: Mắt thấy sắc đẹp là vui, tai, mũi, lưỡi, thân nhận đến ý suy nghĩ pháp lành cũng như vậy.

Như Phật từng nói kệ:
 Trì giới thì là vui,
 Thân chẳng thọ sự khổ.
 Ngủ nghỉ được an ổn,
 Thức dậy lòng vui vẻ.
 Lúc nhận lấy y thực,
 Đọc tụng và kinh hành,
 Ở riêng nơi núi rừng,
 Như vậy là rất vui.
 Nếu đối với chúng sanh,
 Ngày đêm tu lòng từ,
 Nhân đây được thường vui,
 Vì chẳng hại người khác.
 Ít muốn biết đủ vui,

Học rộng biết nhiều vui,
 A-La-Hán không chấp,
 Cũng gọi là thọ vui,
 Các vị Đại Bồ-Tát,
 Rốt ráo đến bờ kia.

Những việc làm đã xong,
 Đây gọi là rất vui.

Thế-Tôn! Trong các bộ kinh nói về tướng vui ý nghĩa như vậy. Thế nào tương ứng với nghĩa của Phật nói hôm nay?

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: “Lành thay! Lành thay! Ông khéo có thể thưa hỏi đức Như-Lai những nghĩa như vậy.

Này Thiện-nam-tử! Tất cả chúng sanh đối với sự khổ hạnh hạ tướng lầm là vui. Vì thế nên nay ta nói tướng khổ không khác với ngày trước đã nói.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Như lời Phật hỏi: Đối với sự khổ hạnh hạ tướng cho là vui, thì sanh, lão, bệnh, tử hạnh hạ cùng ái-

biệt-ly, cầu-bắt-đắc, oán-tắng-hội, ngũ-âm-thạnh hạng hạ, những sự khổ như vậy lẽ ra cũng nên có vui.

Thế-Tôn! Sanh hạng hạ là ba ác thú, sanh hạng trung là loài người, sanh hạng thượng là trên trời.

Nếu lại có người hỏi rằng: Nếu ở nơi sự vui hạng hạ tưởng cho là khổ, trong sự vui hạng trung tưởng cho là không khổ không vui. Trong sự vui hạng thượng tưởng cho là vui, thì phải trả lời thế nào?

Thế-Tôn! Nếu trong sự khổ hạng hạ tưởng cho là vui, chưa thấy có người nào sẽ bị phạt đánh ngàn trượng, lúc mới đánh một trượng đầu mà đã tưởng là vui. Nếu lúc đánh trượng đầu chẳng tưởng là vui, thế sao nói rằng: Nơi trong sự khổ hạng hạ mà tưởng cho là vui?”

Phật bảo Ca-Diếp Bô-Tát: “Phải lắm! Phải lắm! Đúng như lời ông nói. Do nghĩa

này nên không có tướng là vui, vì như người tội kia sẽ bị phạt đánh ngàn trượng, khi bị đánh một trượng rồi liền được tha. Người này bèn sanh lòng vui. Vì thế nên biết rằng trong sự không vui lắm tướng là vui.”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: Thế-Tôn! Người đó chẳng vì bị đánh một trượng mà sanh vui. Chính vì được tha mà sanh lòng vui.

- Nay Thiện-nam-tử! Vì thế nên ta ngày trước nói với Thích-Ma-Nam trong ngũ âm có vui, lời đó là đúng, thật chẳng phải mâu thuẫn vậy.

Nay Thiện-nam-tử! Có ba thọ và ba khổ. Ba thọ là: Lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Ba khổ là: Khổ-khổ, hành khổ, hoại khổ.

Nay Thiện-nam-tử! Khổ thọ chính là cả ba món khổ: Khổ-khổ, hành khổ và hoại khổ. Hai món thọ kia chính là hành khổ và hoại khổ. Do đây nên trong sanh tử thật có lạc thọ.

Đại-Bồ-Tát thấy tánh khỏ cùng tánh lạc chẳng rời lìa nhau nên nói rằng tất cả đều khỏ.

Nầy Thiện-nam-tử! Trong sanh tử thật không có vui, vì chư Phật Bồ-Tát tùy thuận thế gian nên nói là có vui.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Chư Phật và Bồ-Tát nếu tùy theo thế tục mà nói, thì là có hư vọng chẳng? Như Phật thường nói, người tu hành pháp lành thì thọ quả báo vui. Trì giới an vui thân chẳng thọ khỏ, nhẫn đến việc làm đã xong đây là rất vui. Lời nói thọ vui trong các kinh như vậy, chùng có hư vọng chẳng. Nếu là hư vọng, thì chư Phật Thế-tôn trong vô lượng trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ-kiếp tu hành đạo bồ-đề đã lìa vọng ngữ. Nay Phật nói như vậy ý nghĩa thế nào?”

- Nầy Thiện-nam-tử! Như bài kệ nói về những sự thọ lạc trước kia chính là cội gốc

của đạo Bồ-Đề, cũng có thể trường-dưỡng vô thượng bồ-đề. Do nghĩa đó nên trong những kinh trước nói tướng vui như vậy.

Ví như trong thế gian những đồ cần dùng cho đời sống, có thể làm nhân cho sự vui, nên gọi là vui. Như nữ sắc, rượu uống, đồ ăn ngon, lúc khát được nước, lúc lạnh được lửa, y phục, chuỗi ngọc, voi ngựa, xe cộ, tôi tó, vàng, bạc, lưu ly, san hô, trân châu, kho đựng lúa gạo, những vật như vậy người đời cần dùng có thể làm nhân cho sự vui nên gọi là vui.

Này Thiện-nam-tử! Những vật như vậy cũng có thể sanh sự khổ. Nhân nơi nữ sắc sanh sự khổ, lo, rầu, buồn, khóc nhằn đến phải chết cho người nam. Nhân nơi rượu, đồ ăn ngon, nhằn đến lúa gạo cũng có thể làm cho người phải lo khổ nhiều. Do nghĩa đó nên tất cả đều khổ không có tướng rớt ráo vui.

Nầy Thiện-nam-tử! Đại-Bồ-Tát nơi tám điều khổ này, hiểu rõ là khổ nên không bị khổ.

Nầy Thiện-nam-tử! Tất cả hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác chẳng biết nhân của sự vui, nên Phật vì họ ở trong sự khổ hạ nói có tướng vui. Chỉ có Bồ-Tát trụ nơi Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn bèn có thể biết nhân của sự khổ sự vui này.

Nầy Thiện-nam-tử! Thế nào là Đại-Bồ-Tát trụ nơi Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn quán sát tập đế? Đại-Bồ-Tát quán sát tập đế là nhân duyên ngũ ấm. Tập nghĩa là trở lại ái-luyến nơi hữu. Ái có hai thứ: Một là ái thân mình, hai là ái đồ cần dùng. Lại có hai thứ: Năm thứ dục lạc, lúc chưa được tâm luôn tìm cầu, đã tìm cầu được rồi luôn đắm trước. Lại có ba thứ: dục ái, sắc ái, vô sắc ái. Lại có ba thứ: nghiệp nhân duyên ái, phiền não nhân duyên ái, khổ nhân duyên ái. Người xuất gia có bốn

thứ ái: Y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc thang. Lại có năm thứ: Tham lam nơi ngũ âm, tùy chỗ cần dùng tất cả đều tham ái toan tính phân biệt vô-lượng vô-biên.

Này Thiện-nam-tử! Ái có hai thứ: Một là thiện ái, hai là bất thiện ái. Chỉ người ngu tìm cầu bất thiện ái. Các vị Bồ-Tát cầu nơi thiện-ái. Thiện ái lại có hai thứ: Bất thiện và thiện. Cầu pháp Nhị-thừa gọi là bất thiện. Cầu pháp Đại- thừa gọi là thiện.

Này Thiện-nam-tử! Kẻ phàm phu tham ái gọi là “tập” chẳng gọi là “đế”. Sự ái của Bồ-Tát thì gọi là thật đế chẳng gọi là tập, vì Bồ-Tát muốn độ chúng sanh nên thị hiện thọ sanh, chẳng phải vì tham ái mà thọ sanh.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: Thế-Tôn! Như trong các kinh khác đức Phật vì chúng sanh mà nói nghiệp làm nhân duyên, hoặc nói kiêu mạn, hoặc nói lục xúc, hoặc nói vô minh làm nhân duyên mà có ngũ âm xí-thạnh.

Hôm nay do nghĩa gì đức Phật nói bốn Thánh-Đế riêng lấy ái làm nhân cho ngũ ấm.

Phật khen Ca-Điếp Bồ-Tát: “Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông vừa nói, các nhân duyên chẳng phải làm cũng chẳng phải nhân, chỉ vì năm ấm cần phải nhân nơi ái.

Ví như quốc vương lúc đi tuần du các quan quyền thuộc thấy đều theo hầu. Cũng vậy, ái đi đến chỗ nào thì các kiết sử cũng đi theo.

Ví như y phục thấm mồ hôi, bụi bay đến liền bám dính. Cũng vậy, chỗ nào có ái những nghiệp kiết cũng ở nơi đó.

Ví như đất ướt thì có thể mọc mầm. Cũng vậy, ái có thể sanh tất cả mầm nghiệp phiền não.

Này Thiện-nam-tử! Đại Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát kỹ ái này có chín thứ: Một là như thiếu nợ, hai là như vợ La-Sát, ba là như trong cọng hoa đẹp có rắn

độc vẩn, bốn là như vật thực độc mà cố ăn đó, năm là như dâm nữ, sáu là như hột ma-lâu-ca, bảy là như thịt thú trong mụn nhọt, tám là như gió bão, chín là như sao chổi.

Như thiếu nợ là thế nào! Ví như người nghèo cùng thiếu tiền của người khác, dầu đã trả nợ mà vẫn còn thiếu, nên bị giam nhốt chưa ra khỏi ngục. Hàng Thanh-Văn Duyên-Giác vì còn tập khí thừa của ái nên chẳng chứng được vô thượng bồ-đề.

Như vợ La-Sát là thế nào? Ví như có người lấy gái La-Sát làm vợ, gái La-Sát này hễ sanh con liền ăn thịt, ăn thịt con đẻ hết lại ăn luôn thịt chồng. Ái cũng vậy, tùy người sanh thiện căn nó liền ăn, ăn hết thiện căn nó lại ăn luôn cả người làm cho phải đọa địa ngục, súc sanh ngạ quỷ. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Như cọng hoa đẹp có rắn độc vẩn là thế nào? Như có người thích hoa đẹp mà chẳng

thấy cọng hoa có rắn độc, liền đến ngắt hoa bị rắn cắn chết. Tất cả phàm phu tham đắm ngũ dục mà chẳng thấy độc hại của ái, nên bị ái làm hại, sau khi chết đọa trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Vật thực độc mà cố ăn là thế nào? Như có người cố ăn vật thực độc, ăn xong đau bụng thổ tả mà chết. Chúng sanh trong ngũ đạo vì tham ái mà phải bị đọa trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Như dâm nữ là thế nào? Như người ngu tư thông với dâm nữ, dâm nữ này thường dối phỉnh gạt đoạt hết tiền của rồi xua đuổi người ấy. Người ngu không có trí tuệ bị tham ái đoạt tất cả pháp lành rồi xua đuổi vào trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Như hột ma-lâu-ca là thế nào? Nếu chim ăn hột ma-lâu-ca, phân chim do gió thổi rơi dưới cây liền mọc lên đeo vắn cây to làm cho khô chết, tham ái ràng buộc phàm phu

làm cho pháp lành không tăng trưởng nhân đến khô diệt, sau khi chết đọa vào ba đường ác. Chỉ trừ các vị đại Bồ-Tát.

Thịt thú trong mụn nhọt như thế nào? Như người bị ung nhọt, trong nhọt sanh thịt thú, người bệnh này phải chuyên tâm chạy chữa, nếu chệnh mảng thì thịt thú sanh trùng có thể phải chết, ngũ âm của phạm phu cũng như vậy, ái sanh trong đó, phải nên siêng năng điều trị tham ái, nếu không điều trị sẽ phải đọa trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Như gió bão là thế nào? Gió bão có thể làm lở núi ngã cây. Cũng vậy, tham ái sanh tâm ác đối với cha mẹ, có thể làm ngã tróc cội cây vô thượng Bồ-Đề của các ông Đại-Trí Xa-Lợi-Phát vân vân. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Như sao chổi là thế nào? Như sao chổi mọc thì trong thiên hạ phải bệnh tật, đói kém,

họa tai khổ sở. Cũng vậy, ái có thể dứt tất cả căn lành làm cho phàm phu cơ cùng thiếu thốn sanh bệnh phiền não lưu chuyển trong sanh tử mang nhiều sự khổ. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Này Thiện-nam-tử! Đại-Bồ-Tát Đại-Thừa trụ nơi Đại-Niết-Bàn quán sát tham ái có chín thứ như vậy.

Do nghĩa trên đây, hàng phàm phu có khổ, không đế. Hàng Thanh-Văn Duyên-Giác có khổ đế mà không chân thật. Các vị Bồ-Tát hiểu khổ không có khổ mà có chân đế. Hàng phàm phu có tập không có đế. Hàng Thanh-Văn Duyên-Giác có tập có tập đế. Các vị Bồ-Tát hiểu tập không có tập mà có chân đế. Hàng Thanh-Văn Duyên-Giác có diệt mà chẳng phải chân. Đại-Bồ-Tát có diệt có chân đế. Hàng Thanh-Văn Duyên-Giác có đạo mà chẳng phải chân. Đại Bồ-Tát có đạo có chân đế.

Này Thiện-nam-tử! Thế nào là Đại Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn thấy diệt cùng thấy diệt-đế? Chính là dứt trừ tất cả phiền não, nếu phiền não đã dứt thì gọi là thường. Dứt lửa phiền não thì gọi là tịch diệt. Vì phiền não diệt nên được hưởng thọ chân lạc. Chư Phật và Bồ-Tát cho nguyện cầu nên gọi là tịnh, chẳng còn thọ thân trong hai mươi lăm cõi nên gọi là xuất thế. Do xuất thế nên gọi là ngã, là thường. Đối với sắc, thanh, hương, vị xúc, nam, nữ, sanh, trụ, diệt, khổ, lạc, bất khổ, bất lạc, đều chẳng chấp lấy tướng mạo nên gọi là rốt ráo tịch diệt chân đế. Đây là Đại Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát diệt Thánh-đế.

Thế nào là Đại-Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát đạo Thánh-đế?

Ví như trong tối nhân đèn mà được thấy những vật lớn nhỏ. Cũng vậy, Đại-Bồ-Tát trụ nơi Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn nhân bát

thánh-đạo mà thấy tất cả pháp: Thường, vô thường, hữu vi, vô vi, chúng sanh, phi chúng sanh, vật, phi vật, khô, lạc, ngã, vô ngã, tịnh, bất tịnh, phiền não, phi phiền não, nghiệp, phi nghiệp, thật, phi thật, thừa, phi thừa, tri, bất tri, đà-la-phiên, phi-đà-la-phiên, cầu na, phi cầu na, kiến, phi kiến, sắc, phi sắc, đạo, phi đạo, giải, phi giải. Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát đạo Thánh-đế như vậy”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Nếu tám Thánh-đạo là đạo Thánh-đế thì nghĩa chẳng tương ứng. Như đức Phật hoặc có lúc nói lòng tin là đạo có thể thoát khỏi các phiền não. Hoặc có lúc nói chẳng phóng dật là đạo vì chư Phật chẳng phóng dật nên được vô thượng Bồ-đề, và cũng là phép trợ đạo của Bồ-Tát. Hoặc có lúc nói tinh tấn là đạo, như Phật bảo A-Nan nếu có người siêng tu tinh tấn thì được thành vô thượng Bồ-đề.

Hoặc có lúc nói quán thân niệm xứ, nếu chuyên tu tập thân niệm xứ này được thành vô thượng bồ-đề. Hoặc có lúc nói chánh định là đạo. Như Phật bảo Ma-Ha-Ca-Điếp: Chánh định là đạo chân thật, nếu nhập chánh định bèn có thể tư duy sự sanh diệt của ngũ ấm, chẳng nhập thì không thể tư duy. Hoặc có lúc nói một pháp: Nếu người tu tập có thể thanh tịnh chúng sanh, dứt trừ tất cả ưu sầu khổ não chúng được chánh pháp, tức là niệm Phật tam muội. Hoặc Phật lại nói rằng tu quán tưởng vô thường thì gọi là đạo có thể chứng được vô thượng Bồ-đề. Hoặc Phật nói không tịch ở nơi A-Lan-Nhã, ngồi một mình tư duy có thể mau chứng được vô thượng Bồ-đề. Hoặc có lúc Phật nói: Vì người diễn thuyết thì gọi là đạo, nếu người nghe pháp dứt được lưới nghi thì chứng được vô thượng Bồ-đề. Hoặc có lúc Phật nói trì giới là đạo, nếu người tinh tấn tu trì giới cấm, người này

thoát khỏi khổ sanh tử. Hoặc có lúc Phật nói gần gũi Thiên-hữu gọi là đạo, như Phật bảo A-Nan: Người gần gũi thiện-tri-thức thì đầy đủ tịnh giới nếu có chúng sanh nào gần gũi nơi Phật thì được phát tâm vô thượng Bồ-đề. Hoặc có lúc Phật nói tu lòng từ là đạo, người tu học lòng từ dứt các phiền não thì được bậc bất động. Hoặc có lúc Phật nói trí huệ là đạo, như ngày trước Phật vì Tỳ-kheo-ni Ba-Xà-Ba-Đề mà nói rằng: Này Tỳ-kheo-ni! Như hàng Thanh-Văn dùng sức trí huệ dứt được các lậu phiền não. Hoặc có lúc Phật nói bố thí là đạo, như ngày trước Phật bảo vua Ba-Tu-Nặc: Này Đại-Vương! Ngày trước đức Phật làm nhiều việc bố thí do đó mà nay được thành vô thượng Bồ-đề.

Bạch Thế-Tôn! Nếu bát thánh đạo là đạo đế, những kinh như vậy há chẳng phải là hư vọng. Nếu những kinh đó chẳng phải hư vọng thì duyên có gì trong những kinh đó

chẳng nói bát thánh đạo là đạo thánh đế. Nếu những kinh đó chẳng nói, dễ thường ngày trước đức Như-Lai có lầm lộn. Nhưng tôi quyết định biết rằng chư Phật từ lâu đã lìa lầm lộn.

Đức Phật khen Ca-Diếp-Bồ-Tát: “Lành thay! Lành thay! Nay thiện-nam-tử! Nay ông muốn biết Kinh-điển Đại-thừa vi diệu có những pháp bí mật nên hỏi như vậy. Những kinh ngày trước như vậy đều vào trong đạo thánh đế.

Nay Thiện-nam-tử! Như ta nói lòng tin là đạo. Tín căn này có thể tá trợ đạo bồ-đề. Vì thế nên lời Phật nói không có lầm lộn. Đức Như-Lai khéo biết vô lượng phương tiện vì muốn hóa độ chúng sanh nên sự thuyết pháp có nhiều loại.

Ví như lương y biết các căn bệnh của chúng sanh, tùy theo bệnh mà hiệp thuốc và những thứ cấm kỵ đối với thuốc. Chỉ nước

chẳng ở trong lệ cấm. Hoặc cho uống nước gừng, nước cam thảo, nước tể tân, nước đường phèn, nước trái a-ma-lặc, nước ni-ba-la, hoặc nước bát-trú-la, hoặc cho uống nước lạnh, nước nóng, nước nho, nước thạch lựu.

Này Thiện-nam-tử! Lương y ấy khéo biết căn bệnh của chúng sanh. Dầu rằng thuốc có nhiều sự cấm kỵ, nhưng chỉ có nước là không ở trong lệ cấm.

Cũng như vậy, đức Như-Lai khéo biết phương tiện, trong một pháp tướng tùy theo các loài chúng sanh mà phân biệt diễn thuyết nhiều loại danh tướng. Các loài chúng sanh kia tùy theo chỗ lãnh thọ của họ mà tu tập, dứt trừ phiền não. Như người bệnh kia theo lời dặn của lương y mà bệnh được lành.

Này Thiện-nam-tử! Như có một người biết nhiều thứ tiếng ở chung trong đại chúng. Một hôm đại chúng khát nước đều kêu rằng: Tôi muốn uống nước! Tôi muốn uống nước!

Người đó liền đem nước mát lạnh tùy theo từng người mà trao cho uống. Hoặc nói là ba-ni, hoặc nói là uất-đặt, hoặc nói là xa-ly-lam, hoặc nói là ba-ly, hoặc nói là ba-da, hoặc nói là cam-lô, hoặc nói là ngu-nhũ, dùng vô lượng tên nước như vậy để nói với đại chúng. Cũng vậy, đức Như-Lai dùng một thánh đạo vì hàng Thanh-Văn mà diễn thuyết nhiều cách: Từ Tín-căn vân vân đến bát thánh-đạo.

Này Thiện-nam-tử! Như thợ kim hoàn dùng một chất vàng tùy ý tạo làm các thứ trang sức: Dây chuyền, vòng, xuyên, xoa, khoen tai, mũ, ấn. Dầu làm nhiều thứ chẳng đồng nhưng chẳng rời chất vàng. Cũng vậy, đức Như-Lai dùng một Phật đạo, tùy theo mọi loài chúng sanh mà phân biệt diễn thuyết. Hoặc nói một thứ, như nói chư Phật một đạo không hai. Hoặc nói hai thứ là định và huệ. Hoặc nói ba thứ là kiến, trí và huệ. Hoặc nói bốn thứ là kiến-đạo, tu đạo, vô học đạo, và

Phật đạo. Hoặc nói năm thứ là tín-hành-đạo, pháp-hành-đạo, tín-giải-thoát-đạo, kiến-đạo-đạo, thân chứng đạo. Lại nói sáu thứ là Tu-Đà-Hoàn-Đạo, Tư-Đà-Hàm-Đạo, A-Na-Hàm-Đạo, A-La-Hán-Đạo, Bích-Chi-Phật Đạo, và Phật-Đạo. Lại nói bảy thứ là niệm-giác-phần, trạch-pháp-giác-phần, tinh-tấn-giác-phần, hỷ-giác-phần, trú-giác-phần, định-giác-phần và xả-giác-phần. Lại nói tám thứ là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Lại nói chín thứ là bát-thánh-đạo, và tín. Lại nói mười thứ là thập-lực. Lại nói mười một thứ là thập-lực và đại-từ. Lại nói mười hai thứ là thập-lực đại-từ và đại-bi. Lại nói mười ba thứ là thập-lực đại-từ, đại-bi và niệm Phật tam-muội. Lại nói mười sáu thứ là thập-lực, đại-từ, đại-bi, niệm-Phật tam-muội và ba chánh-niệm. Lại nói hai mươi đạo là thập-lực, tứ-vô-sở-úy,

đại-từ, đại-bi, niệm-Phật tam-muội và ba chánh-niệm.

Đạo-chỉ là một thể, ngày trước đức Như-Lai vì chúng sanh mà phân biệt diễn nói sai khác.

Này Thiện-nam-tử! Như một thứ lửa, nhân nơi chỗ nó đốt cháy mà có nhiều tên sai khác, như lửa cây, lửa cỏ, lửa trấu, lửa phân bò, lửa phân ngựa. Cũng vậy, Phật đạo chỉ là một không có hai vì chúng sanh mà phân biệt sai khác.

Này Thiện-nam-tử! Như một thức phân biệt nói có sáu, nếu đến nơi nhãn căn, thì gọi là nhãn thức, nhãn đến nơi ý-căn thì gọi là ý-thức. Đạo cũng như vậy, chỉ là một không hai vì hóa độ chúng sanh mà phân biệt sai khác.

Này Thiện-nam-tử! Như một sắc pháp, mắt thấy thì gọi là sắc, tai nghe gọi là tiếng, mũi ngửi thì gọi là mùi, lưỡi nếm thì gọi là vị,

thân cảm giác thì gọi là xúc. Đạo cũng như vậy, là một không có hai, vì muốn hóa độ chúng sanh nên đức Như-Lai phân biệt sai khác.

Do nghĩa này nên bát-thánh-đạo gọi là đạo thánh-đế.

Này Thiên-nam-tử! Bốn thánh đế này chư Phật theo thứ lớp mà giảng nói. Do đây vô lượng chúng sanh được thoát khỏi sanh tử.

Ca-Diếp BỒ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Ngày trước có một lúc Phật ở trong rừng Thi-Thủ trên bờ sông Hằng, đức Như-Lai lấy lá cây bảo các Tỳ-kheo: Lá trong tay của ta đây là nhiều hay tất cả lá trên mặt địa cầu là nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật tất cả lá trên địa cầu rất nhiều không thể tính đếm, lá trong tay Phật cầm rất ít không đáng kể. Phật bảo các Tỳ-kheo: Những pháp mà ta giác ngộ nhiều như những lá cỏ cây trên địa cầu, còn

pháp mà ta vì chúng sanh tuyên nói như mấy chiếc lá trong bàn tay.

Bạch Thế-Tôn! Cứ theo lời của Phật, thì đức Như-Lai rõ biết vô lượng pháp-môn, nếu vào trong bốn thánh-đế thì như đã nói, còn nếu chẳng vào nơi bốn thánh-đế lẽ ra phải có năm đế.

Phật khen Ca-Diếp Bồ-Tát: Lành thay! Lành thay! Lời hỏi của ông có thể lợi ích an vui vô lượng chúng sanh.

Này Thiện-nam-tử! Những pháp môn như vậy đều đã nhiếp ở trong bốn thánh-đế.

Ca-Diếp Bồ-Tát lại bạch Phật: Những pháp như vậy ở trong bốn thánh đế có sao đức Như-Lai xưng rằng chẳng nói?

- Này Thiện-nam-tử! Dầu là nhiếp trong bốn thánh đế nhưng còn chẳng gọi là đã nói, vì người rõ biết bốn thánh đế có hai thứ trí: Một là trí bậc trung, hai là trí bậc thượng. Bậc trung là trí của Thanh-Văn

Duyên-Giác. Bậc thượng là trí của chư Phật và Bồ-Tát. Biết thân ngũ ấm là khổ thì gọi là trí bậc trung, phân biệt các ấm có vô lượng tướng thấy đều là khổ thì chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác biết được, đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta trọn chẳng nói đến.

Này Thiện-nam-tử! Biết các nhập gọi đó là môn cũng gọi là khổ, đây gọi là trí bậc trung. Phân biệt các nhập có vô lượng tướng thấy đều là khổ thì chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác biết được, đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử! Biết các giới gọi đó là phần, cũng gọi là tánh, cũng gọi là khổ, đây là trí bậc trung. Phân biệt các giới có vô lượng tướng thấy đều là khổ thì chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác biết được đây

gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử! Biết sắc là tướng hư-hoại, đây là trí bậc trung. Phân biệt các sắc có vô lượng tướng hư hoại thấy đều là khổ, thì chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác biết được đây lại gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử! Biết thọ là tướng giác xúc đây gọi là trí bậc trung. Phân biệt các thọ có vô lượng tướng giác xúc thì chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác biết được, đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử! Biết tưởng là chấp lấy tướng đây gọi là trí bậc trung. Phân biệt nơi tưởng có vô lượng tướng chấp lấy, thì chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác biết

được, đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử! Biết hành là tướng tạo-tác, đây gọi là trí bậc trung. Phân biệt nơi hành có vô lượng tướng tạo tác thì chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên- Giác biết được, đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử! Biết thức là tướng phân biệt, đây gọi là trí bậc trung. Phân biệt nơi thức có vô lượng trí tướng, thì chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên- Giác biết được, đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử! Biết ái làm nhân duyên có thể sanh năm ấm đây gọi là trí bậc trung. Một người sanh ra ái vô lượng vô biên, hàng Thanh-Văn Duyên-Giác không biết được. Có thể biết tất cả chúng sanh khởi lên lòng có những ái như vậy đây gọi là trí bậc

thượng. Những nghĩa ấy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử! Biết dứt phiền não đây gọi là trí bậc trung, phân biệt phiền não chẳng thể tính đếm, dứt diệt cũng chẳng thể tính đếm như vậy thì chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác biết được đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử! Biết đạo có thể là phiền não đây gọi là trí bậc trung. Phân biệt đạo có vô lượng vô biên tướng, là phiền não cũng vô lượng vô biên thì chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác biết được đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa ấy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử! Biết thế-đế gọi là trí bậc trung. Phân biệt thế-đế vô lượng vô biên chẳng thể tính đếm thì chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác biết được đây gọi là

trí bậc thượng. Những nghĩa ấy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử! Tất cả hạnh vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch diệt, đây là đệ nhất nghĩa, gọi là trí bậc trung. Biết đệ nhất nghĩa vô lượng vô biên chẳng thể tính đếm thì chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác biết được đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Đức Phật nói thế-đế và đệ nhất nghĩa-đế ý nghĩa thế nào? Bạch Thế-Tôn trong đệ nhất nghĩa-đế có thế-đế chăng? Trong thế-đế có đệ-nhất nghĩa-đế chăng? Nếu là có thì có một đế. Nếu là không, chùng có phải đức Như-Lai hư vọng diễn thuyết chăng?”

- Này Thiện-nam-tử! Thế-đế chính là đệ-nhất nghĩa-đế.

- Bạch Thế-Tôn! Nếu như vậy thì không có hai đế.

- Nay Thiện-nam-tử! Có phương tiện khéo tùy thuận chúng sanh diễn thuyết hai đế. Nếu cứ theo ngôn thuyết thì có hai thứ: Một là thế pháp, hai là xuất thế pháp.

Như chỗ biết của người xuất thế. Thì gọi là đệ nhất nghĩa-đế. Chỗ biết của người đời thì gọi là thế-đế.

Nay Thiện-nam-tử! Năm âm hòa hiệp gọi tên mõ giáp. Phạm phu chúng sanh tùy theo tên gọi đó là thế đế. Hiểu biết năm âm không có tên mõ giáp, rời ngũ âm cũng không có mõ giáp, người xuất thế đúng như tánh tướng mà hiểu biết, gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Nay Thiện-nam-tử! Hoặc có pháp có tên có sự thật. Lại có pháp có tên không sự thật. Có tên không sự thật chính là thế-đế. Có tên có sự thật là đệ nhất nghĩa-đế.

Như: Ngã, chúng sanh, thọ mạng, tri kiến, dưỡng dục, sĩ phu, tác giả, thọ giả dương-diệm, thành Càn-Thát-Bà, lông rùa, sừng thỏ, vòng lửa xây, các âm, giới, nhập... Đây gọi là thế-đế. Khổ, tập, diệt, đạo, gọi là đệ nhứt nghĩa-đế.

Thế-pháp có năm thứ: Một là danh thế, hai là cú thế, ba là phược thế, bốn là pháp thế, năm là chấp-trước-thế.

Nam, Nữ, Bình, Áo, Xe, Nhà... Những vật này gọi đó là danh-thế.

Bốn câu thành một bài kệ, những bài kệ như vậy gọi là cú thế.

Cuốn, hiệp, trói, cột, chấ, tay... Đây gọi là phược thế-đế.

Đánh kiền-chùy nhóm tăng, chiêng trống răn quân lính, thổi ốc để biết giờ... Đây gọi là pháp thế.

Như trông thấy đằng xa có người mặc y hoại sắc tưởng là Sa-Môn chẳng phải Bà-La-

Môn, thấy có người gút dây đeo trên thân bèn nghĩ rằng là Bà-La-Môn chẳng phải Sa-Môn, đây là chấp-trước thế-đế.

Như trên đây gọi là năm thứ thế-pháp.

Này Thiện-nam-tử! Nếu có chúng sanh nào đối với năm thứ thế pháp như vậy tâm không điên đảo biết đúng như thật đây gọi là đệ nhứt nghĩa-đế.

Lại như hoặc đốt, hoặc cắt, hoặc chết, hoặc hoại, đây gọi là thế-đế.

Không đốt, không cắt, không chết, không hoại, đây gọi là đệ-nhứt nghĩa-đế.

Lại có tám tướng khổ gọi là thế đế, không sanh, không già vãn vãn, đây gọi là đệ-nhứt nghĩa-đế.

Ví như một người có nhiều tài: Lúc họ chạy thì gọi là người chạy, lúc gặt cắt lại gọi là người gặt, lúc nấu nướng thì gọi là người làm đồ ăn, lúc cưa đẽo cây gỗ thì gọi là thợ mộc, lúc nấu đập vàng bạc thì gọi là thợ bạc.

Chỉ có một người mà có nhiều danh hiệu. Pháp cũng như vậy, thật chỉ là một mà có nhiều tên. Nhân nơi cha mẹ hòa hiệp mà sanh gọi là thế-đế. Mười hai nhân duyên hòa hiệp mà sanh gọi là đệ-nhứt nghĩa-đế.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Thật đế của Phật nói ý nghĩa thế nào?”

- Này Thiện-nam-tử! Thật-đế là pháp chân thật. Nếu pháp chẳng phải chân thì chẳng gọi là thật-đế. Thật-đế là không điên đảo. Thật-đế là không hư vọng. Thật-đế gọi là đại-thừa. Thật-đế là lời của Phật nói chẳng phải lời của ma. Thật-đế là đạo duy nhứt thanh tịnh không có hai, có thường, có lạc, có ngã, có tịnh, thì gọi là nghĩa thật-đế.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật: “Thế-Tôn! Nếu cho chân thật là thật-đế thì pháp chân thật tức là Như-Lai, hư không, Phật tánh.

Nếu như vậy thì Như-Lai, hư không và Phật tánh không có sai khác.”

Phật bảo Văn-Thù Sư-Lợi: Có khổ, có đế, có thật. Có tập có đế có thật. Có diệt có đế có thật. Có đạo có đế có thật.

Này Thiện-nam-tử! Như-Lai chẳng phải khổ chẳng phải đế là “thật”. Hư không chẳng phải khổ chẳng phải đế là “thật”. Phật tánh chẳng phải khổ chẳng phải đế là “thật”.

Khổ là tướng vô thường, là tướng dứt được đó là thật đế. Như-Lai tánh chẳng phải khổ chẳng phải vô thường chẳng phải tướng dứt được vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Tập là có thể làm cho ngũ ấm hòa hiệp mà sanh, cũng gọi là khổ cũng gọi là vô thường, là tướng dứt được, đây là thật đế. Như-Lai chẳng phải là tập, chẳng phải nhân của ngũ ấm, chẳng phải tướng dứt được vì

thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Diệt là nói phiền não dứt diệt cũng là thường, cũng là vô thường, hàng nhị thừa chúng được gọi là vô thường, chư Phật chúng được thì gọi là thường, cũng gọi là pháp chúng được, đây là thật đế, Như-Lai tánh chẳng gọi là diệt, có thể dứt diệt phiền não, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng gọi là chúng tri, thường trụ không biến đổi, vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Đạo là có thể dứt phiền não cũng là thường cũng là vô thường, là pháp có thể tu tập, đây gọi là thật đế. Như-Lai chẳng phải đạo có thể dứt phiền não, chẳng phải là thường chẳng phải vô thường, chẳng phải pháp có thể tu tập, thường trụ chẳng biến đổi, vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Nầy Thiên-nam-tử! Chân thật chính là Như-Lai. Như-Lai chính là chân thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Nầy Văn-Thù Sư-Lợi có khổ, có khổ nhân, có khổ tận, có khổ đối. Như-Lai chẳng phải khổ nhân đến chẳng phải đối, vì thế nên là thật, chẳng gọi là đế. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Khổ là hữu-vi hữu-lậu không an lạc. Như-Lai chẳng phải hữu-vi chẳng phải hữu-lậu, đứng lạng an vui, nên là thật chẳng phải đế.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật: Thế-Tôn như lời Phật nói chẳng điên đảo gọi là thật đế, nếu như vậy trong tứ đế có bốn thứ điên đảo chẳng? Nếu là có, sao lại nói rằng không có điên đảo gọi là thật đế! Tất cả điên đảo chẳng gọi là thật.

- Này Thiện-nam-tử! Tất cả điên đảo đều vào trong khổ-đế. Như chúng sanh có tâm điên đảo thì gọi là điên đảo. Ví như có người chẳng lãnh thọ lời dạy răn của cha mẹ tôn trưởng, hoặc dẫu lãnh thọ mà không tùy thuận thật hành, người này gọi là điên đảo. Điên đảo như vậy chẳng phải không là khổ mà chính là khổ.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật: “Như lời Phật nói chẳng hư vọng chính là thật đế. Nếu như vậy thì biết rằng hư vọng chẳng phải thật đế”.

- Này Thiện-nam-tử! Tất cả hư vọng đều vào trong khổ đế. Như có chúng sanh khi dối người khác, do nhân duyên này đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, đây gọi là hư vọng, cũng chính là khổ. Những điều đó hàng Thanh-Văn Duyên- Giác cùng chư Phật đều xa lìa chẳng thật hành, vì thế nên gọi là hư vọng. Những điều hư vọng như vậy là chỗ

dứt trừ của nhị thừa và chư Phật, nên gọi là thật đế.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật: “Nhu lời Phật nói Đại-thừa là thật đế. Do đó biết rằng Thanh-Văn thừa và Bích-Chi Phật thừa thì là chẳng thật.”

- Nay Thiện-nam-tử! Hàng nhị thừa cũng là thật cũng là chẳng thật. Thanh-Văn Duyên-Giác dứt các phiền não thì gọi là thật. Hàng nhị thừa vô thường chẳng trụ là pháp biến đổi nên gọi là chẳng thật.

Văn-thù Sư-Lợi bạch Phật: “Nhu lời Phật nói những pháp của đức Phật nói gọi là thật.

Do đó biết rằng lời nói của ma thì chẳng phải thật. Bạch Thế-Tôn! Lời nói của ma có nhiếp trong thánh-đế chẳng?”

Nay Thiện-nam-tử! Lời nói của ma nhiếp trong hai đế là khổ và tập. Phàm tất cả những điều phi pháp phi luật không thể làm

cho người được lợi ích, dầu cả ngày diễn nói cũng không có người nào thấy được khổ, dứt được tập, chứng được diệt, tu được đạo, đây gọi là hư vọng. Những điều hư vọng như vậy cũng đều là lời nói của ma.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật: “Nhu lời Phật nói đạo duy nhất thanh tịnh không có hai. Các phái ngoại đạo cũng nói ta có đạo duy nhất thanh tịnh không hai. Nếu cho rằng đạo duy nhất là thật đế thì cùng với ngoại đạo kia có sai khác gì. Nếu không sai khác thì lẽ ra chẳng nên nói rằng đạo duy nhất thanh tịnh.”

-Này Thiện-nam-tử! Các phái ngoại đạo có khổ đế và tập đế mà không diệt đế và đạo đế. Ở trong chẳng phải diệt đế chẳng phải đạo đế, mà họ tưởng là diệt là đạo. Ở trong chẳng phải quả chẳng phải nhân, mà họ tưởng là quả là nhân. Do nghĩa này nên họ không có đạo duy nhất thanh tịnh không hai.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật: “Nhuờ lời Phật nói có: Thường, lạc, ngã, tịnh là thật nghĩa, thì các phái ngoại đạo lẽ ra cũng có thật-đế mà trong Phật pháp thì không. Vì các phái ngoại đạo nói hạnh là thường. Thế nào là thường? Vì khả ý, bất khả ý, các nghiệp báo vân vân. Khi thọ rồi thì chẳng mất. Khả-ý là nói mười báo lành. Bất khả ý là nói mười báo chẳng lành. Nếu cho rằng các hạnh thay đều vô thường, kẻ tạo nghiệp đã chết mất thì ai ở nơi kia mà thọ quả báo. Do nghĩa này nên các hạnh là thường. Sát sanh nhân duyên gọi là thường. Nếu cho rằng vô thường thì kẻ giết cùng bị giết đều vô thường cả, còn ai ở nơi địa ngục mà thọ tội báo. Nếu nói quyết định có địa ngục thọ báo, thì các hạnh thật chẳng phải là vô thường. Chuyên tâm ghi nhớ cũng gọi là thường, như chỗ nhớ biết trải qua mười năm nhĩn đến trăm năm cũng chẳng quên mất, vì thế nên là thường. Nếu là

vô thường thì những việc đã thấy biết lấy gì để nhớ. Do có ấy nên tất cả các hạnh chẳng phải là vô thường. Tất cả sự tưởng nhớ cũng là thường. Như có người ngày trước thấy tay chân mặt mày đầu cổ của người khác, lúc sau gặp lại liền nhớ biết. Nếu là vô thường thì những tướng thấy biết ngày trước lẽ ra đã diệt mất. Nghề nghiệp tạo tác do tập học từ lâu, hoặc ba năm hoặc năm năm rồi sau mới giỏi, nên gọi là thường. Phương pháp tính đếm từ một, hai, ba nhẫn đến trăm ngàn, nếu là vô thường lẽ ra một phải diệt, nếu một đã diệt thì lấy chi đến hai. Do một chẳng diệt nên được đến hai, nhẫn đến trăm ngàn, vì thế nên là thường. Như phương pháp đọc tụng: Đọc Nhứt-A-Hàm rồi đến Nhị-A-Hàm, nhẫn đến Tam tứ A-Hàm. Nếu là vô thường thì chỗ đọc tụng trọn chẳng đến bốn. Do sự đọc tụng có tăng trưởng nên gọi là thường. Bình, y, xe cộ, như người mang nợ, hình tướng, địa

cầu, núi, sông, cây rừng, cây cỏ, lá thuốc, chúng sanh trị bệnh tất cả đều là thường cũng như vậy. Các phái ngoại đạo đều nói rằng các hạnh là thường. Nếu là thường thì là thật đế.

Bạch Thế-Tôn! Các phái ngoại đạo lại nói lạc. Thế nào biết rằng có? Vì người thọ quyết định được báo khả ý. Phàm người thọ lạc quyết định được đó. Như Đại-Phạm-Thiên-Vương, Đại-Tự-Tại-thiên, Thích-Đề-Hoàn-Nhân, và chư Thiên. Do nghĩa này nên nói rằng quyết định có lạc. Lại vì chúng sanh mong cầu nên ngoại đạo nói rằng có lạc. Như người đói cầu ăn, người khát cầu uống, người lạnh cầu ấm, người nóng cầu mát, người mệt nhọc cầu ngơi nghỉ, người bệnh cầu lành. Nếu không có lạc thì những người kia duyên cớ gì mà cầu. Do vì có người cầu nên biết rằng có lạc.

Các phái ngoại đạo lại cho rằng bố thí có thể được lạc. Người đời ưa bố thí cho Sa-

Môn Bà-La-Môn và kẻ nghèo cùng khôn khổ những y phục, vật thực, giường ghế, thuốc thang, voi ngựa, xe cộ, hương bột, hương thoa, nhà cửa, đèn đuốc. Bồ thí những thứ như vậy vì muôn đời sau tôi được thọ báo khả ý. Vì thế nên biết rằng quyết định có lạc.

Có phái ngoại đạo nói rằng người thọ lạc vì có nhân duyên nên có lạc xúc. Nếu không lạc đâu thành có nhân duyên, như sừng thỏ không có, thì không nhân duyên. Vì có nhân duyên lạc, nên biết rằng có lạc.

Ngoại đạo lại nói lạc có thượng trung và hạ. Thọ lạc bậc hạ như Thích-Đề-Hoàn-Nhân. Thọ lạc bậc trung như Đại-Phạm-Thiên-Vương. Thọ lạc bậc thượng như Đại-Tự-Tại-Thiên. Vì thế nên biết rằng có lạc.

Ngoại đạo lại nói rằng có tịnh. Nếu không tịnh thì lẽ ra chẳng sanh lòng mong muốn. Vì có mong muốn nên biết là có tịnh. Như vàng bạc, châu báu, lưu ly, pha lê, xa cừ,

mã não, san hô, trân châu, bích ngọc, kha bối, suối mát, ao tắm, vật thực, y phục, hoa hương, đèn đuốc, những vật như vậy đều là tịnh. Họ lại nói thân ngũ ấm chính là tịnh khí đựng những tịnh vật như thân người, Trời, Tiên, A-La-Hán, Bích-Chi Phật, Bồ-Tát chư Phật. Do nghĩa này nên gọi là tịnh.

Có phái ngoại đạo lại nói rằng có ngã vì có thấy biết vì có thể tạo tác. Như có người vào nhà thợ gốm, dầu chẳng thấy thân người thợ nhưng vì thấy khí cụ nên biết quyết định nhà đó là nhà thợ gốm. Ngã cũng như vậy, do mắt thấy sắc biết chắc là có ngã. Nếu không có ngã thì ai có thể thấy sắc? Nghe tiếng nhĩ đến giác xúc cũng như vậy. Họ lại nói có ngã. Làm sao biết rằng có? Vì do nơi tướng mà biết: Thở, ngáy, ngó, nháy, mạng sống, móng tâm, lãnh thọ sự khổ vui, tham cầu, giận hờn, đều là tướng của ngã. Vì thế nên biết quyết định của ngã.

Ngoại đạo lại nói rằng có ngã, vì phân biệt được mùi vị: Như có người ăn trái cây, thấy trái biết mùi vị. Do đây nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói vì có chấp tác làm việc nên biết là có ngã: Như cầm lưỡi liềm thì có thể cắt gặt, cầm búa thì có thể chặt, cầm bình thì đựng nước, ngồi xe thì cầm cương, do đó nên biết quyết định có ngã. Ngoại đạo lại nói lúc mới sanh biết đòi bú đó là do tập quán đời trước, nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói vì hòa hiệp lợi ích chúng sanh khác nên biết rằng có ngã. Như bình, y, xe cộ, ruộng nhà, núi rừng, cây cối, voi ngựa, trâu, dê những vật như vậy nếu hòa hiệp thì có sự lợi ích. Năm ấm trong thân người cũng như vậy: Nhãn căn vân vân... vì có hòa hiệp thì có sự lợi ích cho người, do đó nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói có ngã vì rằng có sự vật ngăn ngại. Như có vật thì có ngăn ngại. Nếu không vật thì không ngăn ngại. Vì có ngăn ngại nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói vì có bạn cùng chẳng phải bạn nên biết là có ngã. Như thân yêu cùng chẳng phải thân yêu thì chẳng phải là bạn. Chánh pháp với tà pháp, trí với chẳng trí. Sa Môn cùng chẳng phải Sa-Môn, Bà-La-Môn với chẳng phải Bà-La-Môn, con cùng chẳng phải con, ngày với chẳng phải ngày, đêm với chẳng phải đêm, ngã với chẳng phải ngã, các pháp như vậy là bạn và chẳng phải bạn, do đó nên biết quyết định có ngã.

Bạch Thế-Tôn! Các phái ngoại đạo nhiều cách nói có thường, lạc, ngã, tịnh, nên biết quyết định có thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa đó nên các phái ngoại đạo cũng nói được rằng: Ta có chân-đế.”

Phật bảo Văn-Thù Sư-Lợi: “Nếu có Sa-Môn hay Bà-La-Môn mà có thường, có lạc, có ngã, có tịnh, thì người đó chẳng phải là Sa-Môn chẳng phải là Bà-La-Môn. Vì họ mê nơi sanh tử xa lìa bậc đại-đạo-sư như thế-trí. Hàng Sa-Môn và Bà-La-Môn như vậy thiếu kém pháp lành tham đắm các dục nhiễm. Hàng ngoại đạo này ràng buộc trong ngục tham dục, sân hận, ngu si mà kham nhẫn thọ lạc. Các ngoại đạo này dầu biết nghiệp quả mình làm mình chịu, nhưng còn chẳng thể xa lìa pháp ác. Hàng ngoại đạo này chẳng phải là chánh pháp, chánh mạng, để tự sống, vì họ không có lửa trí huệ nên chẳng thể tiêu được vậy.

Các phái ngoại đạo dầu tham đắm ngũ dục thượng diệu, tham nơi pháp lành nhưng chẳng siêng tu. Ngoại đạo này dầu muốn đến chánh giải thoát, nhưng trì cầm giới chẳng thành tựu. Các ngoại đạo này dầu muốn cầu

vui nhưng chẳng có thể cầu nhân duyên của vui. Các ngoại đạo này dầu bị bốn răn độc lớn đeo vắn nhưng vẫn phóng dật chẳng cẩn thận. Các ngoại đạo này bị vô minh che đậy, xa lìa phương pháp lành, thích ở trong tam giới, lửa vô thường đốt cháy mà chẳng thể ra được. Các ngoại đạo này gặp những bệnh phiền não khó lành mà họ chẳng cầu bậc lương y đại trí. Các ngoại đạo này thưở vị lai sẽ đi trên đường xa hiểm vô biên, mà chẳng biết tu tập tư-lương pháp lành để tự trang nghiêm. Các ngoại đạo này thường bị tay độc dâm dục làm hại mà trở lại ôm ấp rương độc ngũ dục. Các ngoại đạo này giận hờn hung dữ mà trở lại gần gũi bạn ác. Các ngoại đạo này thường bị vô minh che đậy mà trở lại tìm cầu pháp tà ác. Các ngoại đạo này thường bị tà kiến mê lầm mà trở lại thân thiện với tà kiến. Các ngoại đạo này trông mong ăn trái ngọt mà lại gieo giống đắng. Các ngoại đạo

này đã ở trong nhà tối phiền não mà trở lại xa lìa được sáng đại trí. Các ngoại đạo này mang bệnh khát phiền não mà trở lại uống nước mặn dục nhiễm. Các ngoại đạo này mê lầm điên đảo nói các hạnh là thường. Cho các hạnh là thường thì không đúng.

Này Thiện-nam-tử! Đức Phật quán sát các hạnh thấy đều vô thường. Tại sao biết như vậy? Vì các hạnh đều do nhân duyên. Phàm những pháp do nhân duyên, mà sanh thì biết là vô thường. Các ngoại đạo này không có một pháp gì chẳng từ nhân duyên sanh.

Này Thiện-nam-tử! Phật tánh không sanh không diệt, không đi không đến, chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, chẳng phải do nhân làm ra cũng chẳng phải không nhân, chẳng phải tu tác chẳng phải tác giả chẳng phải tướng chẳng phải không tướng, chẳng phải có danh chẳng phải không danh, chẳng

phải danh sắc, chẳng phải dài ngắn, chẳng phải nhiếp trì trong âm, giới, nhập. Vì thế nên Phật tánh gọi là thường.

Nầy Thiện-nam-tử! Phật tánh là Như-Lai, Như-Lai là pháp, pháp là thường.

Nầy Thiện-nam-tử! Thường là Như-Lai, Như-Lai là Tăng, Tăng là thường.

Do nghĩa này nên những pháp từ nhân duyên mà sanh chẳng gọi là thường. Các ngoại đạo này không có một pháp gì chẳng từ nhân duyên mà sanh. Các ngoại đạo này chẳng thấy Phật tánh Như-Lai là pháp. Vì thế nên lời nói của ngoại đạo đều là vọng ngữ, không có chân đế.

Người phàm phu lúc trước thấy bình, y, xe cộ, nhà cửa, thành quách, nước sông, rừng núi, nam nữ, voi ngựa, trâu dê, lúc sau thấy tương tợ bèn nói là thường, phải biết những vật ấy thật chẳng phải là thường.

Nầy Thiện-nam-tử! Tất cả pháp hữu vi đều là vô thường. Pháp vô vi là thường. Hư không và Phật tánh là vô vi nên là thường. Hư không tức là Phật tánh, Phật tánh là Như-Lai, Như-Lai là vô vi, vô-vi là thường. Thường là pháp, pháp là Tăng, Tăng là vô-vi, vô-vi là thường.

Nầy Thiện-nam-tử! Có hai thứ pháp hữu vi: Một là sắc pháp, hai là phi sắc pháp. Phi sắc pháp là tâm và tâm sở. Sắc pháp là địa thủy hỏa phong.

Nầy Thiện-nam-tử! Tâm gọi là vô thường vì tánh nó phan-duyên phân biệt. Tánh của nhãn thức khác, nhãn đến tánh của ý thức khác, nên là vô thường. Cảnh giới sắc khác, nhãn đến cảnh giới pháp khác, nên là vô thường.

Nầy Thiện-nam-tử! Nếu tâm là thường thì nhãn thức lẽ ra một mình duyên tất cả pháp. Nếu nhãn thức khác, nhãn đến ý thức

khác, thì biết là vô thường. Bởi các pháp tương tự niệm niệm sanh diệt, người phàm phu thấy đó chấp cho là thường.

Này Thiện-nam-tử! Vì các tướng nhân duyên có thể phá hoại, nên cũng gọi là vô thường. Như nhân nhãn căn, nhân sắc, nhân ánh sáng, nhân tư duy mà sanh nhãn thức. Lúc nhĩ thức sanh ra nhân duyên đều khác chẳng phải là nhân duyên của nhãn thức, nhãn đến nhân duyên của ý thức cũng khác như vậy.

Này Thiện-nam-tử! Nhân duyên phá hoại các hạnh sai khác, nên tâm gọi là vô thường. Như tâm tu vô thường khác, tâm tu khổ, không, vô ngã khác. Nếu tâm là thường lẽ ra thường tu vô thường. Còn chẳng được quán khổ, không, vô ngã huống lại quán thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên trong giáo pháp của ngoại đạo chẳng có thể

nhiếp lấy thường, lạc, ngã, tịnh, phải biết tâm pháp quyết định là vô thường.

Này Thiện-nam-tử! Vì tâm tánh sai khác nên gọi là vô thường. Như tâm tánh Thanh-Văn khác, tâm tánh Duyên-Giác khác, tâm tánh chư Phật khác.

Tất cả ngoại đạo có ba thứ tâm: Một là tâm xuất gia, hai là tâm tại gia, ba là tâm xa lìa tại gia. Tâm tương-ung với lạc khác, tâm tương-ung với khổ khác, tâm tương-ung với bất khổ bất lạc khác, tâm tương-ung với tham dục khác, tâm tương-ung với sân hận khác, tâm tương-ung với ngu si khác. Tâm tướng của tất cả ngoại đạo cũng khác: Các tâm tương-ung với ngu si, nghi hoặc cùng tà kiến đều khác, lúc đi đứng nằm ngồi tâm đó cũng khác. Nếu tâm là thường thì lẽ ra chẳng phân biệt được các sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, tía. Nếu tâm là thường lẽ ra chẳng quên những việc đã từng ghi nhớ. Nếu tâm là

thường thì sự đọc tụng lẽ ra chẳng tăng trưởng. Nếu tâm là thường lẽ ra chẳng nên nói rằng: Đã làm, đương làm, sẽ làm. Nếu có đã làm, đương làm, sẽ làm thì biết rằng tâm này quyết định là vô thường. Nếu tâm là thường thì không có oán thù thân ái cũng chẳng oán chẳng thân. Nếu tâm là thường thì chẳng nên nói rằng vật của tôi, vật của người hoặc sống hoặc chết. Nếu tâm là thường thì dầu có tạo tác lẽ ra chẳng tăng trưởng. Do những nghĩa đó, nên biết tâm tánh mỗi mỗi đều sai khác. Vì sai khác nên biết là vô thường.

Này Thiện-nam-tử! Nay đức Phật ở trong tâm pháp này diễn nói nghĩa vô thường, đã rõ, vì ông mà nói sắc là vô thường. Sắc này vô thường vốn không có sanh, vì sanh đã diệt. Lúc thân ở thai bào vốn không có sanh, vì sanh đã biến đổi. Các mầm cây vốn không

có sanh, vì sanh đã biến đổi. Do đó biết rằng, tất cả sắc pháp thay đều vô thường.

Này Thiện-nam-tử! Sắc thân tùy theo thời gian mà biến đổi: Lúc tượng thai nhẫn đến lúc mới sanh đều đổi khác. Lúc thơ bé, lớn khôn nhẫn đến tuổi già luôn luôn đổi khác. Lúc nảy mầm, lên cây, mọc nhánh sanh lá, trở bông, kết trái đều đổi khác.

Này Thiện-nam-tử! Chất vị ở trong cũng đổi khác, lúc tượng thai nhẫn đến lúc già luôn luôn biến đổi. Mầm cây, nhánh, lá, hoa, trái, chất vị cũng đều đổi khác. Sức lực lúc tượng thai nhẫn đến sức lực lúc tuổi già đều đổi khác. Trạng mạo lúc tượng thai nhẫn đến trạng mạo lúc tuổi già đều đổi khác. Quả báo lúc tượng thai nhẫn đến quả báo lúc tuổi già cũng khác. Danh tự lúc tượng thai nhẫn đến danh tự lúc tuổi già cũng sai khác. Sắc thân có hoại có hiệp nên biết là vô thường. Cây cối cũng có hoại có hiệp nên biết là vô

thường. Thứ đệ sanh lần lần, như lúc tượng thai sanh lần lần đến tuổi già. Lúc này mầm sanh lần lần đến khi kết trái. Vì thế nên biết là vô thường vì những sắc pháp có thể hoại diệt, như lúc tượng thai hoại diệt hẳn đến lúc tuổi già hoại diệt đều sai khác, lúc này mầm hoại diệt hẳn đến lúc kết trái đều hoại diệt nên biết là vô thường. Người phàm phu không hiểu biết thấy tượng tợ sanh ra chấp cho là thường. Do những nghĩa này nên gọi là vô thường. Đã là vô thường thì chính là khổ, đã là khổ thì chính là bất tịnh.

Này Thiện-nam-tử! Các hạnh đều không có ngã. Tổng tất cả pháp không ngoài hai thứ: Sắc và tâm. Sắc không phải ngã, vì sắc có thể phá có thể hoại, có thể vỡ có thể đập, có thể tăng trưởng. Ngã thì chẳng thể phá hoại vỡ đập sanh trưởng. Do nghĩa này nên biết sắc chẳng phải là ngã.

Tâm cũng chẳng phải ngã vì do nhân duyên mà sanh khởi. Các ngoại đạo do chuyên niệm mà biết là có ngã. Tánh chuyên niệm thật ra chẳng phải ngã. Nếu cho chuyên niệm là ngã, những việc quá khứ có lúc quên mất, vì có quên mất nên quyết định biết là không ngã. Nếu các ngoại đạo do ức tưởng mà biết là có ngã, vì có lúc không ức tưởng nên quyết định biết là không ngã. Như nói: Thấy người bàn tay có sáu ngón, bèn hỏi rằng chúng ta ngày trước gặp nhau ở chỗ nào. Nếu là có ngã thì chẳng nên lại hỏi. Vì hỏi nhau nên quyết định biết là không ngã.

Nếu các ngoại đạo cho rằng vì có ngăn ngại mà biết là có ngã. Xét ra vì có ngăn ngại nên quyết định biết là vô ngã, như nói Điều-Đạt thì trọn chẳng nói rằng không phải Điều-Đạt. Cũng vậy, nếu ngã quyết định là ngã thì trọn chẳng ngăn ngại ngã. Nhưng vì cũng ngăn ngại ngã nên quyết định biết là vô ngã.

Nếu vì ngăn ngại mà biết là có ngã, nay ông chẳng ngăn ngại đáng lẽ là không ngã!

Này Thiện-nam-tử! Nếu các ngoại đạo cho rằng vì bạn cùng chẳng phải bạn mà biết rằng có ngã. Cứ nơi thuyết này mà suy, vì không bạn lẽ ra không có ngã. Có những pháp không bạn: Như-Lai, Hư-Không, Phật tánh, Ngã cũng như vậy thật không có bạn. Do vì nghĩa này nên quyết định biết là không ngã.

Này Thiện-nam-tử! Nếu có ngoại đạo cho rằng vì có danh tự mà biết là có ngã. Trong pháp không ngã cũng có danh tự ngã: Như người nghèo hèn mà tên là phú quý. Như nói ta chết, nếu ta chết thì là ta giết ta, nhưng ngã thật chẳng có thể giết, giả danh là giết ngã. Cũng như người lùn mà tên là Trưởng-giả. Do nghĩa này nên quyết định biết không ngã.

Này Thiện-nam-tử! Nếu các ngoại đạo cho rằng vì người mới sanh đã biết đòi bú nên biết là có ngã. Nếu có ngã thì tất cả trẻ thơ chẳng nên bốc phấn, đất, lửa, rắn, thuốc độc. Do nghĩa này nên quyết định biết không ngã.

Này Thiện-nam-tử! Tất cả chúng sanh đối với ba pháp: Dâm dục, uống ăn, kinh sợ đều có sự hiểu biết đồng nhau, vì thế nên không có ngã.

Này Thiện-nam-tử! Nếu các ngoại đạo cho rằng vì có tướng mạo mà biết là có ngã. Vì có tướng thì không có ngã, không có tướng cũng là không ngã. Như lúc ngủ, người không thể đi đứng ngược cúi nhìn ngó, chẳng biết khổ biết vui, như thế thì đáng lẽ không có ngã. Nếu cho rằng vì có đi đứng cúi ngược mà biết là có ngã, thì người máy lẽ ra cũng có ngã.

Như-Lai chẳng đi, chẳng đứng, chẳng cúi, chẳng ngược, chẳng nhìn, chẳng ngó, chẳng khỏ, chẳng vui, chẳng tham sân si. Như-Lai như vậy mà có ngã chân thật.

Này Thiện-nam-tử! Nếu các ngoại đạo vì thấy người khác ăn trái cây, trong miệng mình sanh nước miếng, nên biết là có ngã. Do vì nhớ tưởng thấy thì sanh nước miếng, nước miếng chẳng phải ngã, ngã cũng chẳng phải là nước miếng, chẳng phải vui buồn, chẳng phải ngáp, chẳng phải cười, chẳng phải nằm, chẳng phải đứng, chẳng phải đói, chẳng phải no. Do nghĩa này nên quyết định biết là không ngã.

Này Thiện-nam-tử! Các ngoại đạo ấy ngu si như trẻ nít không có trí huệ phương tiện chẳng hiểu thấu được thường cùng vô thường, khỏ, vui, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã, thọ mạng, phi thọ mạng, chúng sanh, phi chúng sanh, thật, phi thật, hữu, phi hữu. Ở

trong Phật pháp họ lấy chút ít phần rồi vọng chấp là có thường, lạc, ngã, tịnh, như người sanh manh chẳng biết màu sữa, bèn hỏi người khác rằng màu sữa giống như thứ gì? Người khác đáp: Màu sữa trắng như vỏ ốc.

Người sanh manh lại hỏi: “Thế thì màu sữa như tiếng thổi ốc ư?”

Đáp: Không phải.

Người sanh manh lại hỏi màu ốc giống thứ gì?

- Màu ốc trắng như bột gạo.

Người sanh manh nghe nói cho rằng màu sữa mịn nhuyễn như bột gạo. Khi biết không phải lại hỏi.

Người khác đáp: Màu sữa trắng như tuyết.

Người sanh manh lại cho rằng màu sữa lạnh lẽo như tuyết.

Người khác lại bảo màu sữa trắng như lông chim bạch hạc.

Người sanh manh ấy dầu nghe cả bốn thứ thí dụ tỉ lệ, nhưng trọn chẳng biết được màu sắc thật của sữa.

Cũng vậy, các ngoại đạo này trọn không thể biết được thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này trong Phật pháp của ta có chân-thật-đế, không phải hàng ngoại đạo có được.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát bạch Phật: “Hi hữu thay: Hôm nay đức Như-Lai sắp nhập Niết-Bàn phương tiện chuyển pháp luân vô thượng, bèn phân biệt chân-thật-đế như vậy.”

Phật bảo Văn-Thù Sư-Lợi: Nay ông có sao ở nơi đức Như-Lai mà sanh quan niệm nhập Niết-Bàn. Nay Thiên-nam-tử! Như-Lai thật là thường trụ chẳng biến đổi chẳng nhập Niết-Bàn.

Nay Thiên-nam-tử! Đức Như-Lai trọn chẳng có quan niệm ta là Phật, ta thành vô thượng chánh giác, ta chính là pháp, pháp là cái có của ta, ta là đạo, đạo là của ta có, ta là

Thế-Tôn, Thế-Tôn là của ta, ta là Thanh-Văn, Thanh-Văn là của ta, ta có thể thuyết pháp làm cho người khác nghe và thọ trì, ta chuyên pháp luân, người khác không chuyên được. Đức Như-Lai trọn không có quan niệm như vậy nên đức Như-Lai chẳng chuyên pháp luân.

Này Thiên-nam-tử! Như-Lai không có những quan niệm ta thấy biết, sự thấy biết là của ta, tai nghe, mũi ngửi v.v... cũng như vậy, ta là sắc, sắc là của ta, thanh, hương, nhãn đến pháp cũng như vậy, ta là địa đại, địa đại là của ta, thủy hỏa phong đại cũng như vậy. Như-Lai cũng không có những quan niệm ngã là tín là đa-văn, tín và đa-văn là của ta, ta là đàn-ba-la-mật, là thi-ba-la-mật, nhãn đến là bát-nhã-ba-la-mật, đàn-ba-la-mật nhãn đến là bát-nhã-ba-la-mật, đàn-ba-la-mật nhãn đến bát-nhã-ba-la-mật là của ta, ta là tứ niệm xứ là tứ chánh cần, nhãn đến là

bát-thánh-đạo, tứ-niệm-xứ nhãn đến bát-thánh-đạo là của ta. Như-Lai trọn chẳng có những quan niệm như vậy, nên Như-Lai chẳng chuyển pháp luân.

Này Thiện-nam-tử! Nếu nói thường trụ không biến đổi, sao lại nói rằng Phật chuyển pháp luân! Vì thế nên ông chẳng nên nói rằng đức Như-Lai phương tiện chuyển pháp luân.

Này Thiện-nam-tử! Như nhân nhãn căn, sắc trần, ánh sáng và tư duy hoà hiệp sanh ra nhãn thức. Nhãn căn chẳng nghĩ rằng ta sanh ra thức, sắc, ánh sáng và tư duy cũng chẳng nghĩ rằng ta sanh nhãn thức, nhãn thức cũng chẳng nghĩ rằng ta có thể tự sanh. Những pháp như vậy nhân duyên hòa hợp được gọi là thấy. Cũng vậy, đức Như-Lai nhân sáu ba-la-mật cùng ba mươi bảy pháp trợ đạo mà giác ngộ rõ thấu các pháp. Lại nhân yết hầu, lưỡi răng, môi miệng có ra lời ra tiếng, vì các

ông Kiều-Trần-Như v.v... mà thuyết pháp lần đầu tiên, gọi đó là chuyển pháp luân. Do nghĩa này nên đức Như-Lai chẳng gọi là chuyển pháp luân.

Này Thiện-nam-tử! Nếu chẳng chuyển thì gọi là pháp, pháp là Như-Lai. Như do bụi nhùi, do cọ xát, do tay, do phân bò khô mà có lửa sanh ra. Bụi nhùi v.v... đều chẳng nghĩ rằng ta sanh ra lửa. Lửa cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh. Cũng vậy, đức Như-lai nhân sáu ba-la-mật v.v... Vì các ông Kiều-Trần-Như thuyết pháp gọi là chuyển pháp luân, đức Như-Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Nếu chẳng nghĩ tưởng như vậy thì gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy bèn gọi là Như-Lai.

Như do nơi chất lặc, nước khuấy, bình, giầy, tay người mà có chất tô sanh ra. Lặc v.v... chẳng nghĩ rằng ta sanh ra tô. Tô cũng

chẳng nói rằng ta có thể tự sanh ra. Do các duyên hòa hiệp nên sanh ra chất tô. Cũng vậy, đức Như-Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Nếu chẳng nghĩ như vậy, thì gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy thì là Như-Lai.

Này Thiện-nam-tử! Như do hột giống, đất, nước, phân, hơi nóng, gió, thời gian, công tác của người mà có mầm mọc lên. Hột giống v.v... chẳng nghĩ rằng ta sanh ra mầm. Mầm cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh. Cũng vậy, đức Như-Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Nếu chẳng nghĩ như vậy thì gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy thì là Như-Lai.

Này Thiện-nam-tử! Như do trống, khoảng không, da, dùi, người hòa hiệp nhau mà sanh ra tiếng trống v.v... chẳng nghĩ rằng ta sanh ra tiếng. Tiếng cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh.

Cũng vậy, đức Như-Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Chẳng nghĩ như vậy thì gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy thì là Như-Lai.

Này Thiện-nam-tử! Chuyển pháp luân là cảnh giới của chư Phật Thế-Tôn chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác biết được.

Này Thiện-nam-tử! Hư không chẳng phải sanh, chẳng phải xuất, chẳng phải tạo tác chẳng phải pháp hữu vi. Cũng vậy, Như-Lai chẳng phải sanh, xuất, tạo tác chẳng phải pháp hữu vi. Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử! Chư Phật Thế-Tôn lời thuyết giáo có hai thứ: Một là thế ngữ hai là xuất thế ngữ. Đức Như-Lai vì hàng Thanh-Văn Duyên-Giác dùng thế ngữ để thuyết giáo. Vì các vị Bồ-Tát nói xuất thế ngữ.

Này Thiện-nam-tử! Hàng đại chúng nghe pháp cũng có hai hạng: Một là hạng cầu tiểu thừa, hai là hạng cầu đại thừa. Ngày

trước ở thành Ba-La-Nại ta chuyển pháp luân cho hàng Thanh-Văn. Nay ở thành Câu-Thi-Na này mới vì các vị Bồ-Tát chuyển đại pháp luân.

Này Thiện-nam-tử! Lại có hai hạng người trung căn và thượng căn. Vì hạng trung căn ở thành Ba-La-Nại ta chuyển pháp luân. Vì hạng thượng văn như Ca-Điếp Bồ-Tát v.v... ở nơi thành Câu-Thi-Na này ta chuyển đại pháp luân.

Này Thiện-nam-tử! Hạng tốt hạ-căn đức Như-Lai trọn chẳng chuyển pháp luân cho họ. Hạng tốt hạ-căn tức là nhứt-xiển-đề.

Này Thiện-nam-tử! Người cầu Phật đạo có hai hạng: Một là hạng trung tinh tấn, hai là hạng thượng tinh tấn. Như-Lai ở thành Ba-La-Nại vì hạng trung tinh tấn mà chuyển pháp luân. Nay ở thành Câu-Thi-Na này chuyển đại pháp luân cho hạng thượng tinh tấn.

Nầy Thiện-nam-tử! Ngày trước Như-Lai ở thành Ba-La-Nại, chuyên pháp-luân lần đầu tiên, có tám muôn thiên nhân chứng được quả Tu-Đà hoàn. Nay trong hội thuyết pháp tại thành Câu-Thi-Na này, có tám mươi muôn ức người chứng bậc bất thối chuyển vô thượng Bồ-Đề.

Nầy Thiện-nam-tử! Ngày trước ở thành Ba-La-Nại, Đại-Phạm Thiên-Vương đánh lễ thỉnh Phật chuyên pháp luân. Nay tại thành Câu-Thi-Na này, Ca- Diếp Bồ- Tát đánh lễ thỉnh Phật chuyên đại pháp luân.

Nầy Thiện-nam-tử! Ngày trước ở thành Ba-La-Nại lúc chuyên pháp luân Phật giảng thuyết về vô thường, khổ, không và vô ngã. Nay tại thành Câu-Thi-Na này Như-Lai giảng thuyết về thường, lạc, ngã và tịnh.

Nầy Thiện-nam-tử! Ngày trước ở thành Ba-La-nại, lúc thuyết pháp tiếng nói của Phật nghe xa đến trời Phạm-Thiên. Nay tại thành

Câu-Thi-Na này, lúc chuyển pháp luân tiếng của Phật khắp đến hai mươi hằng hà sa thế giới ở mười phương.

Này Thiện-nam-tử! Chư Phật Thế-Tôn phàm có lời nói ra đều gọi là chuyển pháp luân.

Ví như Chuyển-Luân-Thánh-Vương có Luân-bảo, kẻ chưa hàng phục có thể làm cho hàng phục, người đã hàng phục có thể làm cho an ổn. Chư Phật Thế-Tôn phàm có thuyết pháp cũng như vậy. Vô lượng phiền não người chưa điều phục có thể làm cho điều phục, người đã điều phục làm cho sanh căn lành.

Ví như Chuyển-Luân-Thánh-Vương có Luân-bảo có thể phá tan tất cả oán tặc. Cũng vậy, đức Như-Lai thuyết pháp có thể làm cho tất cả giặc phiền não thấy đều tịch tịnh.

Ví như Chuyển-Luân-Thánh-Vương có Luân-bảo trên dưới xoay chuyển. Cũng vậy,

Như-Lai thuyết pháp có thể làm cho các chúng sanh ở ác thú sanh lên cõi trời cõi người nhân đến thành Phật đạo.

Này Thiện-nam-tử! Vì thế nên nay ông chẳng nên khen rằng đức Như-Lai ở nơi đây lại chuyển pháp luân.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật rằng: “Thế-Tôn! Đối với nghĩa này chẳng phải là tôi không biết. Hởi Phật là vì muốn lợi ích cho những chúng sanh. Từ lâu tôi đã biết chuyển pháp luân thật là cảnh giới của chư Phật Như-Lai, chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác biết được.

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: “Này Thiện-nam-tử! Đây gọi là Bồ-Tát trụ nơi kinh Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn thật hành Thánh-hạnh.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: Thế-Tôn, do nghĩa gì gọi là Thánh-hạnh?

- Nầy Thiện-nam-tử! Thánh là nói chư Phật Thế-Tôn. Do nghĩa này nên gọi là Thánh-hạnh.

- Bạch Thế-Tôn! Nếu là chỗ thật hành của chư Phật thì chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác, Bồ-tát có thể tu hành được.

- Nầy Thiện-nam-tử! Đây là chư Phật Thế-Tôn an trụ nơi Đại-Niết-Bàn này mà phân biệt khai thị như vậy, do nghĩa này nên gọi là Thánh-hạnh. Hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác, và Bồ-Tát nghe như vậy rồi thì có thể phụng hành nên gọi là Thánh-hạnh. Đại-Bồ-Tát này được tu hành hạnh đây rồi thì được trụ nơi bậc vô sở úy. Chẳng còn sợ tham, sân, si, sanh, lão, bệnh, tử. Cũng chẳng còn sợ ác đạo, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Nầy Thiện-nam-tử! Luận về sự ác có hai hạng: Một là A-Tu-La, hai là trong loài người. Trong loài người có ba hạng ác: Một là nhứt-xiển-đề, hai là hủy báng kinh điển

Đại-Thừa Phương-Đẳng, ba là phạm bốn tội trọng. Trụ trong vô sở úy này, hàng Bồ-Tát trọn chẳng sợ đọa trong những hạng ác như vậy. Cũng chẳng còn sợ Sa-Môn, Bà-La-Môn, ngoại đạo tà kiến, Thiên-Ma Ba-Tuần. Cũng chẳng còn sợ thọ thân trong hai mươi lăm cõi. Vì thế nên bậc này gọi là vô sở úy.

Này Thiện-nam-tử! Đại-Bồ-Tát trụ bậc vô sở úy chúng được hai mươi lăm môn tam muội, phá hoại hai mươi lăm cõi. Được vô-cấu tam-muội có thể phá hoại cõi địa ngục. Được bất-thối tam muội có thể phá hoại cõi súc sanh. Được tâm-lạc tam muội có thể phá hoại cõi ngã quý. Được hoan-hỷ tam muội có thể phá hoại cõi A-Tu-La. Được nhứt-quang tam muội có thể dứt cõi Phất-Bà-Đề. Được nguyệt-quang tam muội có thể dứt cõi Cù-Da-Ni. Được nhiệt-diện tam muội có thể dứt cõi Uất-Đon-Việt. Được như-huyễn tam muội có thể dứt cõi Diêm-Phù-Đề. Được

nhứt-thiết pháp bất-động tam muội có thể dứt
 cỗi Tứ-Thiên-Vương. Được tối-phục tam
 muội có thể dứt cỗi Đao-Lợi-Thiên. Được
 Duyệt-ý tam muội có thể dứt cỗi Diệm-Ma-
 Thiên. Được Thanh-sắc tam muội có thể dứt
 cỗi Đâu-Suất-Thiên. Được Huỳnh-sắc tam
 muội có thể dứt cỗi Hoá-Lạc-Thiên. Được
 xích-sắt tam muội có thể dứt cỗi Tha-Hoá-
 Tự-tại-Thiên. Được Bạch-sắc tam muội có
 thể dứt cỗi Sơ-Thiên. Được chủng chủng tam
 muội có thể dứt cỗi Đại-Phạm-Vương. Được
 song tam muội có thể dứt cỗi Nhị-Thiên.
 Được lô-âm tam muội có thể dứt cỗi tam-
 Thiên. Được chú-võ tam muội có thể dứt cỗi
 Tứ-Thiên. Được như hư-không tam muội có
 thể dứt cỗi Vô-Tướng. Được chiếu-cảnh tam
 muội có thể dứt cỗi Tịnh-Cư A-Na-Hàm.
 Được vô-ngại tam muội có thể dứt cỗi
 Không-Xứ-Thiên. Được thường tam muội có
 thể dứt cỗi Thức-Xứ-Thiên. Được lạc tam

muội có thể dứt cõi Bất-Dụng Xứ-Thiên. Được ngã tam muội có thể được cõi Phi-Tưởng-Phi-Phi-Tưởng-Xứ-Thiên.

Đây gọi là BỒ-Tát chứng được hai mươi lăm tam muội dứt hai mươi lăm cõi.

Này Thiện-nam-tử! Hai mươi lăm môn tam muội này gọi là vua của các môn tam-muội. Đại BỒ-Tát nhập trong những môn tam muội vương này, nếu muốn thối hoại núi Tu-Di liền có thể tùy ý. Nếu muốn biết tâm niệm của mọi loài chúng sanh trong cõi đại thiên, cũng đều có thể biết. Muốn đem mọi loài chúng sanh trong cõi đại thiên để vào trong một lỗ chân lông nơi thân của mình liền có thể tùy ý, cũng có thể làm cho những chúng sanh đó không có quan niệm chật hẹp. Nếu muốn hoá làm vô lượng chúng sanh đầy khắp trong cõi đại thiên, cũng liền có thể tùy ý. Muốn chia một thân làm nhiều thân, lại hiệp nhiều thân làm một thân, dầu làm những sự

như vậy nhưng tâm không trụ trước, dường như hoa sen.

Này Thiện-nam-tử! Đại Bồ-Tát nhập trong những môn tam muội vương như vậy rồi, liền được trụ nơi bậc tự tại. Bồ-Tát trụ bậc tự tại này thì được sức tự tại, tùy ý muốn sanh chỗ nào liền được vãng sanh.

Ví như Chuyển-Luân-Thánh-Vương thống lãnh bốn cõi thiên hạ, tùy ý qua lại không bị chướng ngại. Cũng vậy, tất cả chỗ muốn thọ sanh Bồ-Tát này có thể tùy ý vãng sanh.

Bồ-Tát này nếu thấy tất cả chúng sanh nơi địa ngục, kẻ nào có thể làm cho sanh căn lành, Bồ-Tát liền qua mà thọ sanh trong đó, dầu sanh nhưng chẳng phải là nghiệp quả, do sức tự tại mà thọ sanh trong đó. Bồ-Tát này dầu ở nơi địa ngục nhưng chẳng bị những sự khổ đốt cháy nát thân v.v...

Này Thiện-nam-tử! BỒ-Tát này thành tựu vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức công đức như vậy, còn không thể nói hết, huống là công đức của Phật mà có thể nói được.”

Bấy giờ trong chúng hội, có một vị BỒ-Tát tên là Trụ-Vô-Cầu-Tạng-Vương, có oai đức lớn thành tựu thân thông, được đại tổng trì đầy đủ môn tam muội, chứng bậc vô sở úy, liền đứng dậy trích y bày vai bên hữu quỳ gối hữu, chấp tay bạch Phật rằng: “Thế-Tôn! Như lời đức Phật nói: Chư Phật BỒ-Tát thành tựu vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức công đức thật không thể nói được. Ý tôi còn cho rằng vẫn chẳng bằng kinh điển Đại-thừa này vì nhân sức của kinh Đại-Thừa Phương-Đẳng này nên có thể xuất sanh chư Phật Thế-Tôn vô thượng chánh giác”.

Phật khen rằng: Lành thay! Lành thay! Phải lắm đúng như lời ông nói. Những kinh

Phương-Đẳng Đại-Thừa dầu thành tựu vô lượng công đức, muốn so sánh với kinh này thì không thể kịp được, trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn muôn ức lần, nhẫn đến toán số thí dụ cũng chẳng kịp được.

Ví như từ bò có sữa, từ sữa sanh ra chất lạc, từ lạc sanh ra chất sanh tô, từ sanh tô sanh ra chất thực tô, từ thực tô sanh ra chất đề hồ. Chất đề hồ là vị hơn hết, nếu có người uống chất này các thứ bệnh đều tiêu trừ, bao nhiêu chất thuốc đều vào trong đề hồ.

Cũng vậy, từ Phật có ra mười hai loại kinh, từ mười hai loại kinh có ra Tu-đa-la, từ Tu-đa-la có ra kinh Phương-đẳng, từ kinh Phương-đẳng có ra Bát-Nhã Ba-La-Mật, từ Bát-Nhã Ba-La-Mật có ra Đại-Niết-Bàn, như chất đề hồ. Chất đề hồ dụ cho Phật tánh. Phật tánh tức là Như-Lai.

Này Thiên-nam-tử! Do nghĩa này nên nói rằng Như-Lai có vô lượng vô biên công đức chẳng thể nói được tính được.”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Như lời Phật khen kinh Đại-Niết-Bàn như chất đề hồ là vị thượng diệu, nếu có người uống đề hồ thì những chứng bệnh đều tiêu trừ, tất cả các vị thuốc đều vào trong chất đề hồ. Tôi nghe lời này trộm nghĩ rằng: Nếu có người chẳng nghe chẳng lãnh thọ được kinh này, phải biết người đó rất là ngu si không có tâm lành.

Bạch Thế-Tôn! Nay tôi thật có thể kham chịu lột do làm giấy, chích máu làm mực, lấy tủy làm nước, chẻ xương làm viết, biên chép kinh Đại-Niết-Bàn này. Biên chép đọc tụng thông thuộc, rồi vì người mà giảng rộng ý nghĩa đó.

Bạch Thế-Tôn! Nếu có chúng sanh tham trước của cải, tôi sẽ bỏ thí của cải rồi

sau đem kinh Đại-Niết-Bàn này khuyên họ đọc. Nếu có người sang quý, tôi trước dùng ái ngữ để được cảm tình, rồi sau lần lần sẽ đem kinh Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn này khuyên họ đọc. Nếu là kẻ thường dân, tôi sẽ dùng oai thế ép họ đọc tụng. Nếu với người kiêu mạn tôi sẽ làm tôi tớ họ, tùy thuận ý của họ cho họ vui lòng, rồi sau sẽ đem kinh Đại-Niết-Bàn này mà dẫn dắt họ. Nếu có người hủy báng kinh Đại-Thừa tôi sẽ dùng thế lực hàng phục họ, rồi sau khuyên họ đọc kinh Đại-Niết-Bàn. Nếu có người ưa thích kinh Đại-Thừa, tôi đích thân đến cung kính cúng dường tôn trọng tán thán họ.

Phật khen Ca-Diếp Bồ-Tát: Lành thay! Lành thay! Ông thật đáng là người ưa thích kinh điển Đại-Thừa, tham kinh Đại-Thừa, thọ kinh Đại-Thừa, say kinh Đại-Thừa, kính tin tôn trọng cúng dường kinh Đại-Thừa.

Này Thiện-nam-tử! Nay do tâm lành này, ông sẽ siêu việt vô lượng vô biên hằng hà sa đại Bồ-Tát, được thành vô thượng chánh giác trước, chẳng bao lâu ông cũng sẽ vì đại chúng diễn nói tạng bí mật Đại-Niết-Bàn, Như-Lai, Phật tánh, như ta hôm nay.

Này Thiện-nam-tử! Về thuở quá khứ thời kỳ không có Phật ra đời, lúc đó ta làm Bà-La-Môn tu hạnh Bồ-Tát, có thể thông đạt những kinh luận của tất cả ngoại đạo, tu hạnh tịch diệt, đầy đủ oai nghi, tâm ta thanh tịnh chẳng bị các dục nhiễm ở ngoài phá hoại, dứt lửa sân hận, thọ trì pháp môn thường, lạc, ngã, tịnh. Khắp nơi ta tìm cầu kinh điển Đại-Thừa, nhẫn đến vẫn chẳng được nghe danh tự kinh Phương-Đẳng. Bây giờ ta ở núi Tuyết, núi này thanh tịnh có suối chảy ao tắm, rừng rậm cây thuốc, hoa thơm nở khắp núi, chim thú không thể tính đếm, nhiều thứ trái ngon, lại có vô lượng ngó sen, củ ngọt củ thơm. Ta

ở một mình trong núi chỉ ăn các thứ trái, ăn xong ngồi thiền chuyên tâm quán tưởng. Ta tu khổ hạnh như vậy trải qua vô lượng năm, cũng chẳng được nghe có Phật ra đời cùng tên kinh Đại-Thừa.

Thích-Đề-Hoàn-Nhân và chư Thiên thấy ta bền tu khổ hạnh như vậy lòng họ kinh sợ bảo nhau rằng:

Chúng ta nên xem coi.

Trong núi Tuyết thanh tịnh,

Người ly dục tịch tịnh.

Vua công đức trang nghiêm,

Đã lìa tham sân mạn.

Dứt hẳn lòng ngu si,

Miệng chưa từng nói ra,

Những lời thô ác thảy.

Có một vị Thiên-tử tên là Hoan-Hỷ lại nói kệ rằng:

Người ly dục như vậy,

Thanh tịnh siêng tinh tấn,

Toan chẳng cầu Đế-Thích,

Và làm chur Thiên ư!

Nếu là hạng ngoại đạo,

Họ tu hành khổ hạnh,

Phần nhiều đều mong cầu,

Tòa ngòì của Đế-Thích.

Có một vị Tiên-thiên-tử lại vì Đế-Thích
mà nói kệ rằng:

Thiên-Chúa Kiều-Thi-Ca,

Chẳng nên sanh lòng lo,

Ngoại đạo tu khổ hạnh,

Hà tất cầu Đế-Thích.

Thiên-Tử này lại thưa với Đế-Thích:

“Bậc đại-sĩ trong đời vì chúng sanh nên
chẳng tham luyến thân mình mà tu vô lượng
khổ hạnh để làm lợi ích cho chúng sanh.
Hạng người như vậy thấy rõ những lỗi lầm
trong giòng sanh tử, dầu của báu đầy cả mặt
đất, đại sĩ này cũng chẳng tham muốn như
thấy mũi dĩa. Bậc đại sĩ này rời bỏ của cải vợ

con đầu mắt tủy não tay chân da thịt, nhà cửa, voi ngựa, xe cộ, tôi tớ, cũng chẳng mong cầu sanh lên cõi trời, chỉ mong muốn làm cho tất cả chúng sanh được an vui. Như chỗ tôi hiểu bậc Đại-sĩ như vậy lòng thanh tịnh không ô nhiễm, đã dứt hết phiền não chỉ muốn cầu quả vô thượng bồ-đề.

Thích-Đề-Hoàn-Nhân bảo rằng: “Theo như lời ông nói thì người ấy vì nhiếp thủ tất cả chúng sanh trong đời. Nay Đại-Tiên! Nếu trong đời này có Phật dứt trừ được tất cả rắn độc phiền não của chư Thiên, loài người và A-Tu-La. Nếu các chúng sanh ở trong bóng mát của Phật thì tất cả những độc phiền não đều tiêu diệt. Nay Đại-Tiên! Bậc Đại-sĩ này nếu trong đời vị lai sẽ thành Phật, thì chúng ta sẽ được dứt trừ vô lượng phiền não. Việc này thật là khó tin, vì vô lượng chúng sanh phát tâm vô thượng bồ-đề, bị chút ít duyên liền thôi thất Bồ-đề tâm, như bóng trăng

trong nước, nước động thì trăng động. Lại như họa tượng, khó thành mà dễ hư. Cũng vậy, tâm Bồ-đề khó phát mà dễ thối thất.

Này Đại-Tiên! Như có nhiều người mặc giáp cầm gậy muốn đi dẹp giặc, lúc ra đến chiến trận lòng sợ sệt thì bèn chạy lui. Cũng vậy vô lượng chúng sanh phát tâm Bồ-đề tự trang nghiêm bền chắc, lúc thấy lỗi sanh tử lòng sợ sệt bèn thối thất. Này Đại-Tiên! Ta từng thấy vô lượng chúng sanh sau khi phát tâm Bồ-Đề đều bị thối chuyển. Vì thế nên nay dầu thấy người này tu khổ hạnh tịch tịnh không phiền não nhưng ta chưa tin được. Nay ta sẽ đến thử xem coi người này thật có thể gánh vác nổi vô thượng Bồ-Đề chăng? Này Đại-Tiên! Như xe có hai bánh thì có công dụng chở chuyên, như chim có hai cánh mới có thể bay đi. Người tu khổ hạnh này, dầu thấy là giữ gìn giới cấm, nhưng chưa biết có trí sâu chăng. Nếu có sâu

thì có thể gánh nổi vô thượng Bồ-Đề. Này Đại-Tiên! Như cá mẹ đẻ ra bầy cá con, nhưng số cá được lớn khôn rất ít. Như cây am-la nhiều bông mà ít trái. Chúng sanh phát tâm Bồ-Đề đông vô lượng nhưng ít người được thành tựu. Này Đại-Tiên! Ông nên cùng ta đồng qua thử đó. Như vàng ròng sau khi thử đủ ba cách mới biết là vàng thật, là đốt, đập và mài. Nay chúng ta cũng thử người tu khổ hạnh này.

Lúc đó Thích-Đề-Hoàn-Nhân tự biến thân mình làm quỷ La-sát dung mạo đáng sợ, bay xuống núi Tuyết đến gần người tu khổ hạnh, cất tiếng thanh nhã tuyên nói nửa bài kệ của Phật quá khứ:

Các hạnh vô thường,

Là pháp sanh diệt.

Quỷ La-sát nói nửa kệ xong liếc mắt tìm ngó bốn phía. Người tu khổ hạnh nghe hai câu kệ ấy lòng rất vui mừng, như người

khách buôn ban đêm đến đường hiểm lạc mất đồng bạn, kinh sợ tìm kiếm bỗng gặp được đồng bạn, lòng rất vui mừng. Cũng như người bệnh lâu chưa gặp được lương y, về sau bỗng gặp được. Như người trôi nổi ngoài biển khơi bỗng gặp được thuyền bè. Như người quá khát gặp được nước mát trong. Như người bị oán-địch rượt mà chạy thoát được. Như người bị trời nhốt đã lâu bỗng được thả. Cũng như nhà nông trời nắng hạn mà gặp mưa. Như người đi xa trở về đến nhà, cả nhà đều vui mừng.

Này Thiên-nam-tử! Lúc nghe được nửa bài kệ ấy, lòng người khổ hạnh vui mừng cũng như vậy. Liền đứng dậy lấy tay đỡ tóc lên ngó tìm bốn phía nói rằng: “Chẳng biết ai vừa nói hai câu kệ? Ngó mãi không thấy người nào khác chỉ thấy quý La-Sát bèn nói rằng: “Ai khai môn giải thoát như vậy? Ai có thể thuật lời của Phật như vậy? Ai có thể ở

trong giấc ngủ sanh tử mà có thể riêng được giác ngộ xướng lên lời đó vậy? Ai có thể ở chốn này đem đạo vị vô thượng chỉ dạy cho chúng sanh đang đói khát trong vòng sanh tử? Ai có thể làm thuyền lớn cứu vớt vô lượng chúng sanh đang nổi chìm trong biển sanh tử? Những chúng sanh này thường mang bệnh nặng phiền não, ai có thể làm lương y nói hai câu kệ ấy khai ngộ tâm của tôi. Như mặt trăng nửa, như hoa sen hé nở.

Người khỗ hạnh lúc đó không thấy có ai khác chỉ thấy quý La-Sát nghĩ rằng có lẽ quý này nói hai câu kệ ấy chẳng? Rồi lại nghĩ rằng quý này hình dung hung dữ đáng sợ, phàm người được nghe những câu kệ ấy thì tất cả sự sợ sệt xấu xa liền tiêu trừ, đâu có lẽ người hình mạo xấu xa này mà có thể nói lời kệ ấy. Như trong lửa mọc được hoa sen. Trong ánh nắng mặt trời chẳng sanh được nước mát. Rồi lại tự trách: Ta thật là vô trí

hoặc quý này được gặp chư Phật quá khứ, nên được nghe nửa bài kệ ấy, nay ta nên hỏi ý nghĩa của lời ấy. Suy nghĩ xong liền đến trước quý La-Sát nói rằng: “Lành thay lành thay! Đại-Sĩ! Ngài ở đâu mà học được nửa bài kệ của Phật quá khứ như vậy?”

Quý La-Sát liền đáp rằng: “Này Bà-La-Môn! Ông chẳng nên hỏi ta về việc ấy. Vì ta đã nhiều ngày không được ăn đói khát khổ não tâm ý mê loạn. Ta tìm cầu khắp nơi vẫn chẳng được thức ăn. Vì thế nên ta nói những lời như vậy.”

Người khổ hạnh lại nói với quý La-Sát: “Nếu Đại-Sĩ có thể vì tôi nói trọn bài kệ, tôi sẽ trọn đời làm đệ tử ngài. Kệ của Đại-Sĩ vừa nói lời chẳng đủ, nghĩa chẳng trọn, sao Đại-Sĩ chẳng nói cho trọn? Luận về tài-thí thì có cạn hết, còn pháp-thí thì chẳng thể cùng tận, nhiều sự lợi ích. Tôi nghe nửa bài kệ ấy sanh

lòng kính nghi. Trông mong ngài vì tôi mà nói cho trọn, tôi sẽ trọn đời làm đệ tử ngài.”

Quý La-Sát nói: “Ông tham thái quá chỉ biết tự thương thân mình mà chẳng nghĩ đến người. Ta đang đói khổ thật không thể nói được”.

Người khổ hạnh hỏi: “Thức ăn của ngài là vật gì?”

Quý nói: “Ông đừng hỏi, nếu ta nói ra thì mọi người phải kinh sợ”.

Người khổ hạnh nói: “Giữa đây chỉ có mình tôi không có người nào khác. Tôi không sợ, ngài cứ nói.

Quý nói: “Tôi chỉ ăn thịt người tươi nóng, chỉ uống máu nóng của người. Vì ta phước mỏng nên chỉ ăn những thứ đó. Ta tìm khắp các nơi mà chẳng được. Trong đời dầu có người đông nhiều, nhưng mỗi người đều có phước đức, lại được chư Thiên-Thần thủ hộ, ta không đủ sức bắt ăn được.”

Người khỏ hạnh nói: “Ngài cứ nói đủ bài kệ ấy, tôi nghe kệ rồi sẽ đem thân này dâng cho ngài dùng. Thưa Đại-Sĩ nếu lúc tôi chết thân này sẽ không dùng vào việc gì được, sẽ bị cọp, sói, chim hiêu, kên kên ăn mổ, không được một mảy phước đức. Nay tôi vì cầu Vô-thượng Bồ-đề xả thí thân vô thường chẳng bền này, để đổi lấy thân thường trụ bền chắc”.

Quý nói: “Ai tin được lời của ông, chỉ vì có tám chữ mà thí bỏ thân đáng mến đáng tiếc.”

Người khỏ hạnh nói: “Nhu có người đem đồ sành bố thí cho người khác mà được đồ bằng thất bảo. Cũng vậy, tôi xả thí thân vô thường này để được thân kim cương. Ngài nói ai tin được lời tôi?”

Các vị Đại-Phạm-Thiên-Vương, Thích-Đề-Hoàn-Nhân và Tứ-Thiên-Vương có thể chứng minh lời tôi. Lại có các vị Bồ-Tát tu

hành Đại-thừa đủ lục độ, lợi ích vô lượng chúng sanh, có thiên nhân cũng chứng biết được lời của tôi, Thập phương chư Phật cũng chứng biết cho tôi vì tám chữ mà xả thí thân mạng.

Quý nói: “Nếu ông có thể xả thí thân mạng như vậy, thì nên lắng nghe kỹ tôi sẽ vì ông nói nửa bài kệ sau”.

Người khổ hạnh nghe quý hứa nói vui mừng hơn hở, liền cởi tấm da nai đang mặc trên thân trải tòa rồi mời quý: “Bạch Hòa-Thượng xin thỉnh ngài lên tòa này”.

Quý ngồi xong người khổ hạnh quỳ dài, vòng tay thưa rằng: “Mong Hòa-Thượng vì tôi mà nói nửa bài kệ còn lại cho được đầy đủ”.

Quý La-sát liền tuyên rằng:

Sanh-diệt diệt rồi,

Tịch diệt là vui.

Quý La-Sát nói hai câu kệ rồi bảo rằng: “Này Đại Bồ-Tát nay ông đã nghe đủ cả nghĩa bài kệ, lòng mong muốn của ông đã đầy đủ, nếu ông muốn lợi ích chúng sanh giờ đây nên thí thân cho ta.

Người khổ hạnh suy nghĩ kỹ những nghĩa trong bài kệ rồi biên chép lên trên đá, trên vách, trên cây, bên đường đi. Tụ cột áo xiêm sớ sau khi chết thân thể lửa lòe rồi leo lên cây cao.

Thọ-Thần bảo người khổ hạnh: “Lành thay! Nay ông muốn làm việc gì?

Người khổ hạnh đáp: “Tôi muốn thí xả thân này để trả giá bài kệ”.

Thọ-Thần nói: “Bài kệ như vậy có những lợi ích gì?”

Người khổ hạnh đáp: “Những câu kệ ấy là lời thuyết pháp của Phật ba đời, trong ấy chỉ dạy đạo pháp chân không. Tôi vì pháp này muốn lợi ích tất cả chúng sanh mà thí xả

thân này, chẳng phải vì lợi danh, chẳng cầu Chuyền-Luân-Thánh-Vương, Tứ-Thiên-Vương, Thích-Đề-Hoàn-Nhân, Đại-Phạm-Thiên-Vương, chẳng cầu quả vui của người của trời.

Lúc sắp sửa xả thân, người khổ hạnh nói rằng: “Nguyện cho tất cả người tham lam bỏn sẻn đều thấy tôi xả thân. Những người bỏ thí chút ít sanh lòng cống cao cũng được thấy tôi vì một bài kệ mà xả thân mạng.

Nói xong, người khổ hạnh buông mình từ trên cây rơi xuống. Lúc thân chưa tới đất. Trong hư không vang ra các thứ tiếng thâu đến cõi trời Sắc-Cứu-Cánh. Quỷ La-sát hoàn lại hình Thiên-Đế hứng lấy thân người khổ hạnh để nhẹ nhàng xuống đất.

Bấy giờ Thích-Đề-Hoàn-Nhân, Đại-Phạm-Thiên-Vương cùng chư Thiên đánh lễ người khổ hạnh mà khen rằng: “Lành thay! Lành thay! Thật là BỒ-TÁT có thể lợi ích

nhiều cho vô lượng chúng sanh, muốn thấp
 được pháp lên giữa đêm tối vô minh. Vì tôi
 mến tiếc pháp lớn của Như-Lai nên cố nhiều
 nãi ngài. Ngưỡng mong ngài cho tôi sám hối
 tội lỗi. Thuở vị lai ngài quyết định thành Vô-
 thượng Chánh-giác. Khi được thành Phật,
 mong ngài tế độ chúng tôi,

Nói xong, Thích-Đề-Hoàn-Nhân và chư
 Thiên đánh lễ người khổ hạnh, cáo từ, bỗng
 nhiên ẩn mất.

Nay Thiện-nam-tử! Người khổ hạnh
 thuở xưa chính là tiền thân của ta. Ngày
 trước vì nỡ bài kệ mà ta xả thí thân mạng.
 Do có đó ta được vượt bậc thành Phật trước
 Di-Lặc mười hai kiếp.

Nay Thiện-nam-tử! Ta được vô lượng
 công đức như vậy đều do cúng dường chánh
 pháp của Như-Lai.

Nay ông phát tâm Vô-thượng Bồ-đề, thì ông cũng đã vượt hơn vô lượng vô biên hằng hà sa Bồ-Tát.

Này Thiện-nam-tử! Đây gọi là Bồ-Tát trụ nơi Đại-Thừa Đại-Bát Niết-Bàn tu hành thánh hạnh.